

1001

BÀI TOÁN TƯ DUY

DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

5

10 - 11 TUỔI



SACHHOC.COM

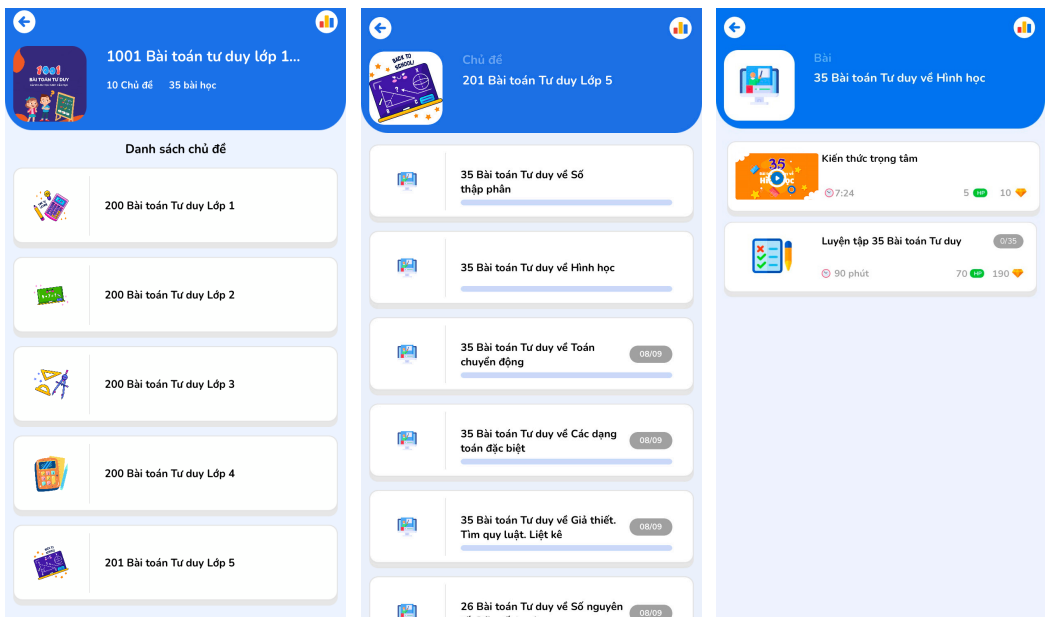
Chủ biên: Thầy Nguyễn Đức Tấn
Cô Thu Hà, Cô Mỹ Linh, Cô Kim Anh

Lời nói đầu

Sự thật về toán tư duy mà ba mẹ nên biết!

Toán là một môn học vô cùng quan trọng giúp bé hình thành trí thông minh, rèn luyện được khả năng tư duy logic, độc lập để giải quyết các vấn đề. Tuy nhiên, không phải đứa trẻ nào cũng có khả năng học tốt môn toán ngay từ đầu. Chính vì vậy, toán tư duy ra đời nhằm giúp trẻ áp dụng tư duy vào việc xử lý các phép tính, hiểu được bản chất của tư duy toán thay vì chỉ sử dụng các công thức khuôn mẫu máy móc.

Nhằm giúp các em tiếp cận gần hơn với Toán tư duy, đội ngũ GV Học247Kids biên soạn bộ Ebook **1001 Bài toán tư duy dành cho học sinh tiểu học** với chủ biên là thầy Nguyễn Đức Tấn tác giả của hơn 30 đầu sách toán tham khảo. Đi kèm bộ Ebook là khoá luyện tập miễn phí **1001 Bài Toán Tư Duy Lớp 1-5** trên App **HOC247 Kids** để các em có thể làm bài online.



Liên hệ: Hotline: **0383.722.247** Zalo: **0789.158.535** Facebook: **@ebook247kids**

Để được Thầy/Cô hỗ trợ kích hoạt **MIỄN PHÍ** trên App HOC247 Kids.



HOC247 Kids
Kids.hoc247.vn



MỤC LỤC**I. Số thập phân.....4**

Phân số thập phân và hỗn số

Số thập phân

Cộng trừ số thập phân

Nhân chia số thập phân

Bài toán tỉ số phần trăm

II. Hình học.....30

Hình tam giác

Hình thang, hình tròn

Các bài toán về tính chu vi diện tích

Hình hộp chữ nhật

Hình lập phương

III. Toán chuyển động56

Số đo thời gian

Bài toán chuyển động

Bài toán vận tốc trung bình

Chuyển động cùng chiều, ngược chiều

IV. Các dạng toán đặc biệt83

Dạng toán về dãy số



MỤC LỤC

Bài toán tổng hiệu tỉ, tỉ lệ thuận

Bài toán dãy số tận cùng

V. Giả thiết. Tìm quy luật. Liệt kê..... ... 104

Tính nhanh cộng, trừ, nhân chia

Giải toán bằng giả thiết

Tìm quy tắc chung

Bài toán về tuổi

Liệt kê

Tính ngược

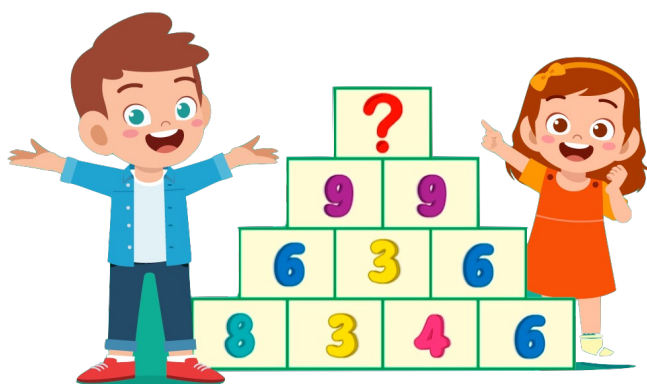
VI. Số nguyên tố. Dãy số. Logic 125

Bài toán thừa và thiếu.

Dãy số cách đều

Số nguyên tố

Phép chia hết.



SỐ THẬP PHẦN



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Số thập phân

Phân số thập phân và hỗn số



Phân số

Rút gọn phân số

➤➤ **Bước 1:** Xét xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.

➤➤ **Bước 2:** Chia tử số và mẫu số cho số đó.

➤➤ **Bước 3:** Cứ làm như thế cho đến khi nhận được phân số tối giản

$$\frac{15}{20} = \frac{15 : 5}{20 : 5} = \frac{3}{4}$$



Lưu ý: Phân số tối giản là phân số có tử số và mẫu số không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1, hay phân số tối giản là phân số không thể rút gọn được nữa

Ví dụ:

$$\frac{64}{72} = \frac{64 : 8}{72 : 8} = \frac{8}{9}$$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Quy đồng mẫu số

1. Các phân số có mẫu số không chia hết cho nhau

➤➤ Lấy tử số và mẫu số của phân số thứ nhất nhân với mẫu số của phân số thứ hai.

➤➤ Lấy tử số và mẫu số của phân số thứ hai nhân với mẫu số của phân số thứ nhất.

Cho 2 phân số: $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$

Quy đồng mẫu số:

$$\frac{a}{b} = \frac{a \times d}{b \times d}$$

$$\frac{c}{d} = \frac{c \times b}{d \times b}$$

Ví dụ:

$$\frac{2}{3} \text{ và } \frac{1}{4} \rightarrow \frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12}$$

$$\frac{1}{4} = \frac{1 \times 3}{4 \times 3} = \frac{3}{12}$$

2. Các phân số có mẫu số chia hết cho nhau

➤➤ Bước 1: Lấy $b \div d = m$

➤➤ Bước 2: Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{c}{d}$ với m , ta được:

$$\frac{a}{b} \text{ và } \frac{c}{d} = \frac{c \times m}{d \times m}$$

Ví dụ:

$$\frac{7}{6} \text{ và } \frac{5}{18} \rightarrow \frac{7}{6} = \frac{7 \times 3}{6 \times 3} = \frac{21}{18}$$

giữ nguyên $\frac{5}{18}$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Tìm các phân số bằng nhau

➤➤ Cách 1: Nhân cả tử số và mẫu số với 1 số khác 0.

➤➤ Cách 2: Chia cả tử số và mẫu số với 1 số khác 0.

Ví dụ:

$$\frac{18}{21} = \frac{18 : 3}{21 : 3} = \frac{6}{7}$$

$$\frac{3}{7}; \frac{18}{21}; \frac{15}{35}; \frac{36}{42} \rightarrow \frac{15}{35} = \frac{15 : 5}{35 : 5} = \frac{3}{7}$$

$$\frac{36}{42} = \frac{36 : 6}{42 : 6} = \frac{6}{7}$$

Đáp số: $\frac{18}{21} = \frac{36}{42}$

Phân số thập phân

 Các phân số có mẫu số là 10; 100; 1000; ... gọi là các phân số thập phân

Ví dụ: Viết các phân số thành phân số thập phân

$$\frac{30}{600}; \frac{11}{25}; \frac{12}{4}$$

Bài giải

$$\frac{30}{600} = \frac{30 : 6}{600 : 6} = \frac{5}{100} \quad \left| \quad \frac{11}{25} = \frac{11 \times 4}{25 \times 4} = \frac{44}{100}$$

$$\frac{12}{4} = \frac{12 \times 25}{4 \times 25} = \frac{300}{100}$$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



So sánh phân số

1. Trong hai phân số cùng mẫu số:

- Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.
- Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.
- Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau.

Ví dụ:

$$\frac{2}{10} < \frac{3}{10}$$

2. Trong hai phân số khác mẫu số:

- Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi so sánh các tử số của chúng.

Ví dụ:

$$\frac{2}{100} = \frac{18 : 9}{900 : 9} = \frac{2}{100}$$

Hỗn số

1. Chuyển phân số thành hỗn số:

- Thực hiện phép chia tử số cho mẫu số
- Giữ nguyên mẫu số của phần phân số
- Tử số = số dư của phép chia tử số cho mẫu số
- Phần nguyên = thương của phép chia tử số cho mẫu số



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Ví dụ:

$$\frac{7}{5} = 1 \frac{2}{5}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ 2 \overline{) 5} \\ 1 \end{array}$$

2. So sánh hỗn số:

►► Cách 1: Chuyển hỗn số về phân số

Muốn so sánh hai hỗn số, ta chuyển hai hỗn số về dạng phân số rồi so sánh hai phân số vừa chuyển đổi.

Ví dụ:

$$6 \frac{5}{10} < 7 \frac{9}{5}$$

$$6 \frac{5}{10} = \frac{6 \times 10 + 5}{10} = \frac{65}{10}$$

$$7 \frac{9}{5} = \frac{7 \times 5 + 9}{5} = \frac{44}{5} = \frac{88}{10}$$

►► Cách 2: So sánh phần nguyên trước, rồi so sánh phần phân số

- Hỗn số nào có phần nguyên lớn hơn thì lớn hơn
- Hỗn số nào có phần nguyên nhỏ hơn thì nhỏ hơn
- Nếu hai phần nguyên bằng nhau thì ta so sánh phần phân số, hỗn số nào có phần phân số lớn hơn thì lớn hơn và ngược lại hỗn số nào có phần phân số nhỏ hơn thì nhỏ hơn.

Ví dụ:

$$3 \frac{2}{10} > 1 \frac{2}{10}$$



HOC247 Kids



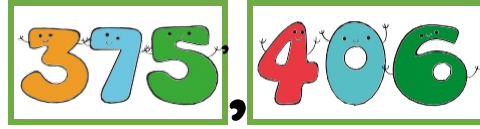
Web

Kids.hoc247.vn



Số thập phân

🌸 Đọc - Viết số thập phân 🌸



Phần nguyên gồm: **3 trăm**
7 chục
5 đơn vị



Phần thập **4 phần mười**
phân gồm: **0 phần trăm**
6 nghìn phần

Đọc là: ba trăm bảy mươi lăm phẩy bốn trăm linh sáu

🌸 Chuyển các phân số thành số thập phân 🌸

- Nếu phân số đã cho chưa là số thập phân thì ta chuyển các phân số thành phân số thập phân rồi chuyển thành số thập phân.

Ví dụ:
$$\frac{1}{8} = \frac{1 \times 125}{8 \times 125} = \frac{125}{1000} = 0,125$$

🌸 Viết hỗn số thành số thập phân 🌸

- Đổi hỗn số về dạng phân số thập phân, sau đó chuyển thành số thập phân.

Ví dụ:

$$9\frac{4}{100} = 9,04$$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Số thập phân bằng nhau



$$0,9 = 0,90$$



$$0,40 = 0,4$$

- Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.
- Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.

So sánh số thập phân

$$35,7 > 35,698$$

(phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có $7 > 6$)

- So sánh phần nguyên của hai số
- So sánh phần thập phân, lần lượt từ:
hàng phần mười → hàng phần trăm → hàng phần nghìn,...
- Hai số có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Viết các số đo độ dài, khối lượng... dưới dạng số thập phân

- Tìm mối liên hệ giữa hai đơn vị đo đã cho.
- Chuyển số đo độ dài đã cho thành phân số thập phân có đơn vị đo lớn hơn.
- Chuyển từ số đo độ dài dưới dạng phân số thập phân thành số đo độ dài tương ứng dưới dạng số thập phân có đơn vị lớn hơn.

$$13 \text{ km } 45 \text{ m} = 13 \frac{45}{1000} \text{ km}$$

$$\frac{13045}{1000} = 13,045 = 13,045 \text{ km}$$



Phép tính với số thập phân**✓ Phép cộng**

$$\begin{array}{r} 1,84 \\ + 2,45 \\ \hline 4,29 \end{array}$$

Một cộng hai số thập phân ta làm như sau:

- Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Cộng như cộng các số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

✓ Phép trừ

$$\begin{array}{r} 4,29 \\ - 2,45 \\ \hline 1,84 \end{array}$$

Muốn trừ một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau:

- Viết số trừ dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Trừ như trừ các số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.

✓ Phép nhân

➡ **Nhân một số thập phân với một số tự nhiên**

$$\begin{array}{r} 1,2 \\ \times 3 \\ \hline 3,6 \end{array}$$

Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm như sau:

- Nhân như nhân các số tự nhiên
- Đếm xem trong phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

➡ **Nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,...**

$$\begin{array}{r} 27,867 \\ \times 10 \\ \hline 278,670 \end{array}$$

Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.





➔ *Chia một số thập phân cho một số thập phân*

$$\begin{array}{r} 23,56 \overline{) 6,2} \\ 49 \\ \hline 0 \end{array}$$

Muốn chia một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau:

-Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.

-Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia cho số tự nhiên.

➔ *Chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà thương tìm được là một số thập phân.*

$$\begin{array}{r} 12 \overline{) 5} \\ 20 \\ \hline 0 \end{array}$$

Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư, ta tiếp tục chia như sau:

-Viết dấu phẩy vào bên phải số thương.

-Viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 rồi chia tiếp.

-Nếu còn dư nữa, ta lại viết thêm vào bên phải số dư mới một chữ số 0 rồi tiếp tục chia, và có thể cứ làm như thế mãi.

➔ *Chia một số tự nhiên cho một số thập phân*

$$\begin{array}{r} 9900 \overline{) 8,25} \\ 165 \\ \hline 0 \end{array}$$

Muốn chia một số tự nhiên cho một số thập phân ta làm như sau:

-Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.

-Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Bài toán tỉ số phần trăm

Đối với dạng toán này các em đã được học cách tìm tỉ số phần trăm của hai số và làm một số bài toán mẫu ở sách giáo khoa. Dựa trên bài toán mẫu giáo viên hướng dẫn giải các bài tập nâng cao.

Ví dụ:

Một số tăng thêm 25% thì phải giảm đi bao nhiêu phần trăm để lại được số cũ.

Cách 1

Bài giải

Giả sử số cũ là **100%**

Số đó tăng thêm 25%, vậy ta được số mới là:

$$100\% + 25\% = 125\%$$

Để được số cũ, thì cần giảm đi 25% số mới, tức là số mới phải giảm đi:

$$25\% : 125\% = 0,2 = 20\%$$

Cách 2

Bài giải

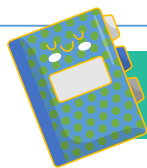
Một số tăng thêm 25%, tức tăng thêm $\frac{1}{4}$ giá trị của số đó

Số cũ: 

Số mới: 

Vậy số mới phải giảm đi $\frac{1}{5}$ giá trị của nó, tức là $100\% : 5 = 20\%$ để được số cũ.





BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Điền dấu thích hợp:

$$\frac{3}{10} \dots \frac{30}{100}$$

A. =

B. >

C. <

Câu 2: Hãy chọn đáp án đúng!

$$\frac{7}{10} < \frac{39}{100}$$

A. Đúng

B. Sai

Câu 3: Viết phân số sau thành phân số thập phân.

$$\frac{39}{300}$$

A. 13/300

B. 13/100

C. 39/100

Câu 4: Viết phân số sau thành phân số thập phân.

$$\frac{3}{25}$$

A. 13/100

B. 12/100

C. 14/100



HỌC247 Kids



Web

Kids.hoc247.vn



Câu 5: Viết phân số sau thành phân số thập phân.

$$\frac{9}{5}$$

A. 18/10

B. 18/100

C. 9/10

Câu 6: Viết phân số sau thành phân số thập phân: $\frac{3}{20}$

A. 15/100

B. 16/100

C. 17/100

Câu 7: Viết số thập phân có: Không đơn vị, một trăm linh một phần nghìn.

0,011

A

0,1001

B

0,101

C

0,110

D



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 8: Số thập phân này đọc là:

2,6

A. Hai phẩy sáu

B. Hai phẩy sáu mươi

C. Hai mươi sáu

Câu 9: Hãy chọn đáp án đúng!

$$6\frac{4}{100} = 6,04$$

A. Sai

B. Đúng

Câu 10: Viết phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân:

$$\frac{2}{10}$$

A. 0,0002

B. 0,02

C. 0,2

Câu 11: Hãy chọn đáp án đúng!

$$69,4 \square 69,38$$

A. >

B. <

C. =



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 12: Tìm chữ số x : $2,x3 < 2,43$

A. $x = 0, 1, 2, 3$

B. $x = 1, 2, 3$

C. $x = 0, 1, 2, 3, 4$

Câu 13: Giá trị của biểu thức: $24,67 + 30,6 - 12,67$



A



B



C



D

Câu 14: Tính giá trị của biểu thức: $142,69 - 66,2 + 32,4$



108,79

A



108,89

B



109,89

C



108,09

D

Câu 15: Tìm x , biết: $42,84 - x - 12,67 = 24,9$



4,27

A



5,27

B



5,14

C



5,24

D



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 16: Tìm x, biết: $66,24 + x - 31,64 = 42,3 + 24,7$



31,24

A



32,4

B



32,04

C



31,2

D

Câu 17: Chọn đáp án đúng:



Giá trị của biểu thức
 $67,98 - 32,4 + 12,43$

A. 48,1

B. 48,01

C. 48,21

Câu 18: Tính nhanh:

$$24,76 - 10,4 + 7,24 + 20,4$$

A. 42

B. 48

C. 29



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 19: Tính:

$$9336 \div 389 + 18$$

A. 42

B. 24

C. 6

Câu 20: Tìm x:

$$x \times 2,94 = 24,402$$

A. 8,2

B. 8,3

C. 8,4

Câu 21: Tính:

$$28 \times 324$$

A. 90,72

B. 9,72

C. 9,072

Câu 22: Tính:

$$16 \times 82 - 549$$

A. 7,36

B. 7,63

C. 76,3



Câu 23: Tìm x, biết: $X \times 9,1 = 70,42 + 4,2$



A



B



C



D

Câu 24: Ba bạn Linh, Nga và Lan có cân nặng lần lượt là 32,4kg; 34,8kg; 31,2kg. Hỏi trung bình mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



A. 32,8kg

B. 31,8kg

C. 32,9kg

Câu 25: Có hai bao gạo, bao gạo thứ nhất cân nặng 32,4kg. Bao gạo thứ hai gấp 1,5 lần bao gạo thứ nhất. Hỏi trung bình mỗi bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 41,5kg

B. 42,5kg

C. 40,5kg

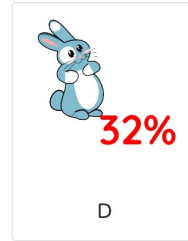
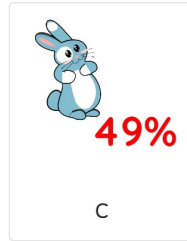
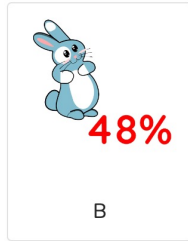
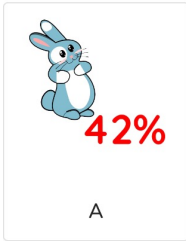


HOC247 Kids

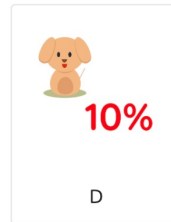
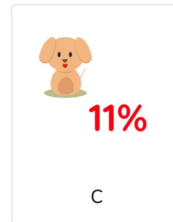
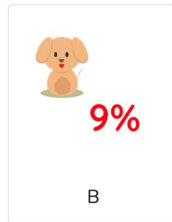
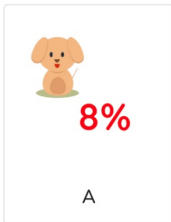
Kids.hoc247.vn



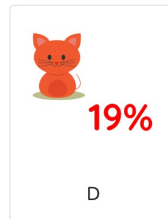
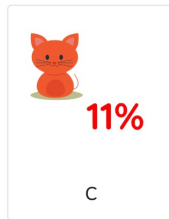
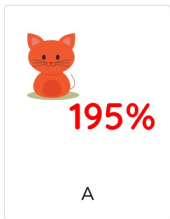
Câu 26: Tính: $18\% + 24\%$



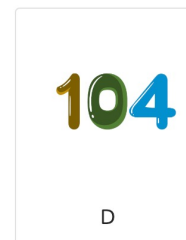
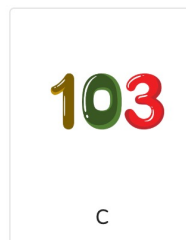
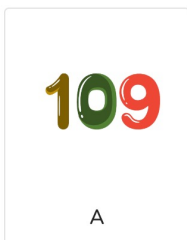
Câu 27: Tính: $(98\% - 18\%) : 10$



Câu 28: Tìm x, biết: $x + 97\% = 12\% \times 9$



Câu 29: Khối lớp 5 của 1 trường Tiểu học có 200 học sinh, trong đó, 48% là học sinh nữ. Hỏi khối lớp 5 của trường đó có bao nhiêu học sinh nam?



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 30: Nhà Minh có nuôi 8 con vừa chó và mèo. Trong đó, mèo là 6 con. Hỏi chó chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số vật nuôi?

25%

A

24%

B

26%

C

75%

D

Câu 31: Một người bán 4 cái đồng hồ đeo tay cùng loại và lãi được tất cả là 120 000 đồng. Tính ra số tiền lãi đó bằng 20% tiền vốn. Hỏi tiền vốn của một cái đồng hồ là bao nhiêu đồng?

A. 120 000 đồng

B. 150 000 đồng

C. 180 000 đồng

Câu 32: Cô Lan gửi ngân hàng 6 000 000 đồng. Lãi suất ngân hàng 0,5% 1 tháng. Hỏi sau 1 tháng, cô Lan sẽ nhận được tiền lãi là bao nhiêu?



A. 60 000 đồng

B. 300 000 đồng

C. 30 000 đồng



Câu 33: Một cửa hàng nhập về một lô quần áo. Một bộ quần áo bán ra với lãi suất là 20%. Hỏi cửa hàng nhập về 1 bộ quần áo với giá bao nhiêu, biết rằng giá bán 1 bộ quần áo là 96 000 đồng?



A. 90 000 đồng

B. 96 000 đồng

C. 80 000 đồng

Câu 34: Tính:

$$24\% + 18\% : 2 + 16\%$$

59%

A

49%

B

42%

C

24%

D

Câu 35: Nước biển chứa 2,5% muối và mỗi lít nước biển cân nặng 1,026kg. Hỏi cần phải làm bay hơi bao nhiêu lít nước biển để nhận được 51,3kg muối?

A. 2 000 lít

B. 2 00 lít

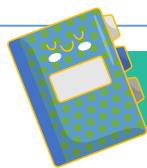
C. 20 lít



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn





ĐÁP ÁN

1 A	6A	11A	16B	21C
2 B	7C	12A	17B	22A
3B	8A	13A	18C	23C
4B	9B	14A	19A	24C
5A	10C	15B	20B	25C

26A	27A	28A	29D	30D
31D	32C	33C	34C	35C

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!



HOC247 Kids

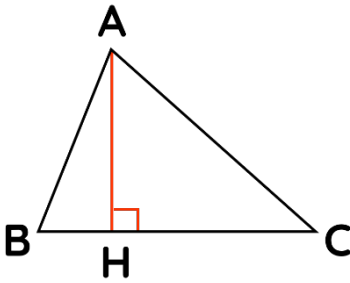
Kids.hoc247.vn



HÌNH HỌC

Hình tam giác

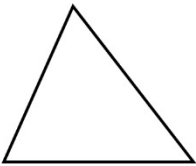
Giới thiệu



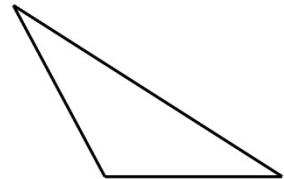
Hình tam giác ABC có:

- Ba cạnh là: cạnh AB, cạnh AC, cạnh BC.
- Ba đỉnh là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C.
- Ba góc là:
 - Góc đỉnh A, cạnh AB, cạnh AC (góc A)
 - Góc đỉnh B, cạnh BA, cạnh BC (góc B)
 - Góc đỉnh C, cạnh CA, cạnh CB (góc C)
- AH là đường cao ứng với đáy BC.
Độ dài AH là chiều cao.
- BC là đáy.

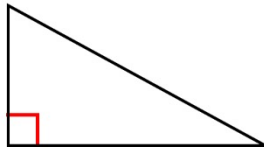
Các dạng hình tam giác



Hình tam giác có
ba góc nhọn.



Hình tam giác có
một góc tù và hai
góc nhọn.



Hình tam giác có
một góc vuông và hai
góc nhọn.
(Hình tam giác vuông)

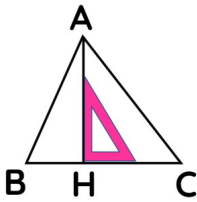


HỌC247 Kids

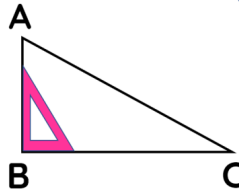
Kids.hoc247.vn



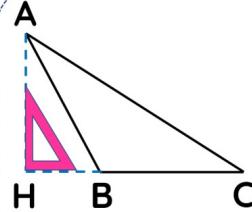
Các dạng đáy và đường cao



AH là đường cao
ứng với đáy BC



AB là đường cao
ứng với đáy BC



AH là đường cao
ứng với đáy BC

Công thức tính diện tích

Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

Trong đó:

$$S = \frac{a \times h}{2}$$

S là diện tích

a là độ dài đáy

h là chiều cao

Ví dụ:

Cho một tam giác ABC vuông ở A, có cạnh đáy BC = 24cm. Nếu kéo dài BC về phía C một đoạn CD dài 8cm thì tam giác ABC trở thành tam giác ABD và diện tích tăng thêm 144cm². Tính diện tích tam giác vuông ABC?

Tóm tắt

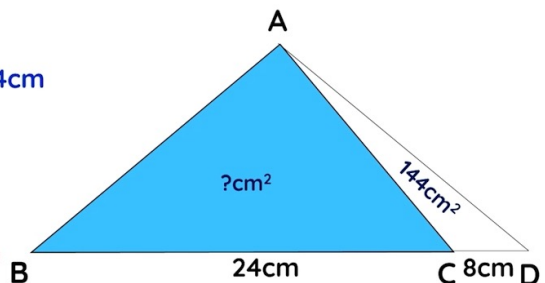
Tam giác ABC vuông ở A với BC = 24cm

Kéo dài BC về phía C với CD = 8cm

Tam giác ABC thành tam giác ABD

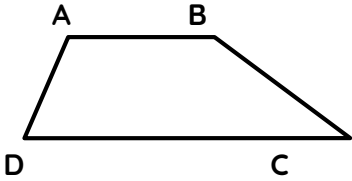
Diện tích tăng thêm 144cm²

Diện tích tam giác vuông ABC: ?cm²

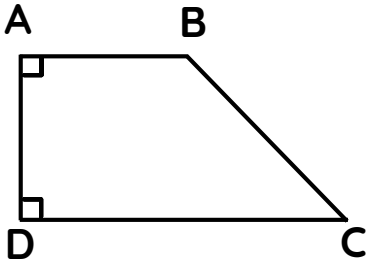


Hình thang

Giới thiệu



Hình thang có một cặp cạnh đối diện song song.



Hình thang có **một cạnh bên vuông góc** với hai đáy gọi là **hình thang vuông**.

Công thức tính diện tích

Diện tích hình thang bằng tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

$$S = \frac{(a + b) \times h}{2}$$

Trong đó: S là diện tích
 a, b là độ dài hai cạnh đáy
 h là chiều cao

Cho hình thang ABCD có góc A và góc D vuông, đáy nhỏ AB = 36cm, đáy lớn CD = 54cm, cạnh AD = 40cm. Trên cạnh AD lấy điểm M sao cho DM = 10cm. Từ M kẻ đường thẳng song song với DC và cắt BC tại N, biết MN = $\frac{5}{6}$ DC. Tính diện tích hình thang ABNM.

Bài giải

Độ dài đoạn AM là:

$$40 - 10 = 30 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn MN là:

$$54 \times \frac{5}{6} = 45 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình thang ABNM là:

$$(36 + 45) \times 30 : 2 = 1215 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 1215 cm²



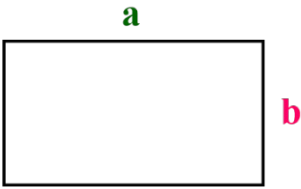
HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Hình chữ nhật



Chu vi: $P = (a + b) \times 2$

Diện tích: $S = a \times b$

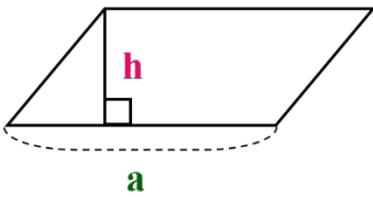
Hình vuông



Chu vi: $P = a \times 4$

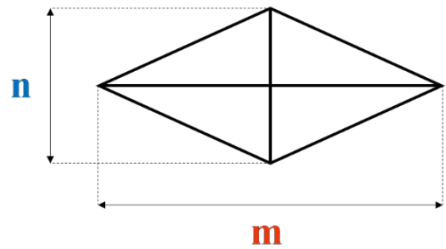
Diện tích: $S = a \times a$

Hình bình hành



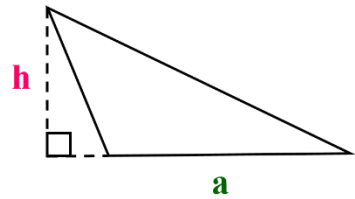
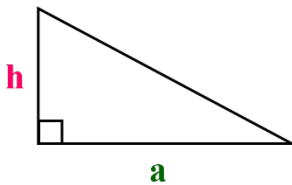
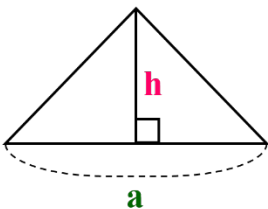
Diện tích: $S = a \times h$

Hình thoi



Diện tích: $S = \frac{m \times n}{2}$

Hình tam giác



Diện tích: $S = \frac{a \times h}{2}$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Hình tròn



Công thức tính chu vi



Muốn tính chu vi của hình tròn ta lấy đường kính nhân với số 3,14.

$$C = d \times 3,14$$

Muốn tính chu vi của hình tròn ta lấy 2 lần bán kính nhân với số 3,14.

$$C = r \times 2 \times 3,14$$

Trong đó: - C là chu vi hình tròn

- d là đường kính hình tròn

- r là bán kính hình tròn.



Công thức tính diện tích



Muốn tính diện tích của hình tròn ta lấy bán kính nhân với bán kính rồi nhân với số 3,14.

$$S = r \times r \times 3,14$$



Hình hộp chữ nhật - Hình lập phương



Hình hộp chữ nhật



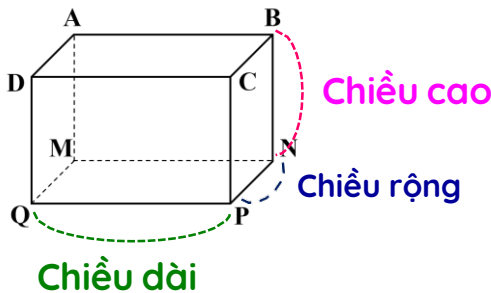
6 mặt



8 đỉnh



12 cạnh



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Diện tích xung quanh

- ➔ Tổng diện tích bốn mặt bên của hình hộp chữ nhật.
- ➔ Muốn tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật ta lấy chu vi mặt đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo).



Diện tích toàn phần

- ➔ Tổng của diện tích xung quanh và diện tích hai đáy.
- ➔ Muốn tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật ta lấy diện tích xung quanh cộng diện tích hai đáy (cùng một đơn vị đo).



Thể tích

- ➔ Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo).

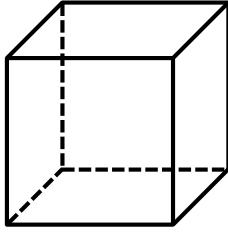
$$V = a \times b \times c$$

Trong đó:

- **V**: thể tích hình hộp chữ nhật.
- **a**, **b**, **c** là ba kích thước của hình hộp chữ nhật.



Hình lập phương



→ 6 mặt

→ 8 đỉnh

→ 12 cạnh

- Hình lập phương có sáu mặt là **các hình vuông bằng nhau**.
- 3 kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao **bằng nhau**.
- Đây là **trường hợp đặc biệt** của hình hộp chữ nhật.



Diện tích xung quanh

- Diện tích xung quanh của hình lập phương **bằng**
diện tích một mặt nhân với 4.



Diện tích toàn phần

- Diện tích xung quanh của hình lập phương **bằng**
diện tích một mặt nhân với 6.





Thể tích

➔ Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy canh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.

$$V = a \times a \times a$$

Trong đó:

- V : thể tích hình lập phương.
- a là cạnh.

III Toán chuyển động



Số đo thời gian

1. Bảng đơn vị đo thời gian

Một số đơn vị đo thời gian:

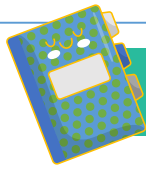
- 1 thế kỷ = 100 năm
- 1 năm = 12 tháng = 365 ngày
- 1 năm nhuận = 366 ngày (Cứ 4 năm lại có 1 năm nhuận)
- 1 tuần lễ = 7 ngày
- 1 ngày = 24 giờ
- 1 giờ = 60 phút
- 1 phút = 60 giây



2. Các dạng toán về thời gian

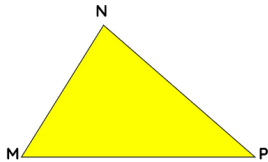
- Cộng số đo thời gian
- Trừ số đo thời gian
- Nhân số đo thời gian
- Chia số đo thời gian





BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hãy kể tên các góc trong hình tam giác sau?

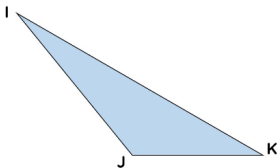


A. Góc M, góc N, góc P

B. Góc M, góc N, góc Q

B. Góc M, góc H, góc P

Câu 2: Hãy kể tên các cạnh trong hình tam giác sau?

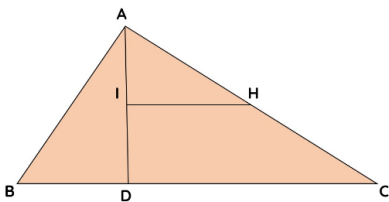


A. Cạnh IJ, cạnh IH và cạnh JK

B. Cạnh IJ, cạnh IK và cạnh JK

B. Cạnh IJ, cạnh IH và cạnh JG

Câu 3: Hãy kể tên các cạnh trong hình tam giác sau?



A. Tam giác ABC, tam giác ABD, tam giác ADE, tam giác AHD

B. Tam giác ABC, tam giác ABD, tam giác ADC, tam giác AHD

C. Tam giác ABC, tam giác ABD, tam giác ADC, tam giác AHI

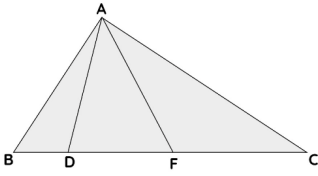


HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 4: Có bao nhiêu hình tam giác trong hình sau?



A. 7

B. 6

C. 9

Câu 5: Một thửa ruộng hình tam giác có cạnh đáy là 60m, chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ cạnh đáy. Tính diện tích của thửa ruộng đó.

1350m²

A

1320m²

B

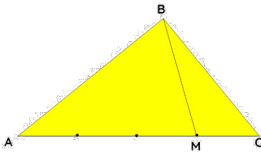
1240m²

C

1420m²

D

Câu 10: Cho tam giác ABC, lấy điểm M trên cạnh AC sao cho $AM = 3 \times MC$. Tính diện tích tam giác ABC biết diện tích tam giác ABM = 24cm²

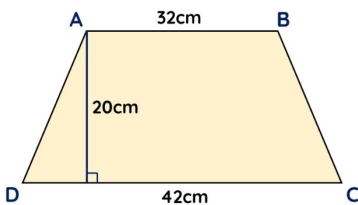


A. 32cm²

B. 28cm²

C. 42cm²

Câu 11: Tính diện tích của hình thang có độ dài như hình vẽ sau:



A. 740cm²

B. 740m²

C. 740dm²



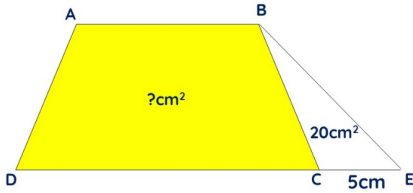
HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 12: Cho hình thang ABCD có tổng hai đáy bằng 42cm. Tính diện tích của hình thang biết nếu đáy lớn được tăng thêm 5cm thì diện tích hình thang sẽ tăng thêm 20cm^2



A. 168m^2

B. 168cm^2

C. 168dm^2

Câu 13: Tính diện tích hình thang biết độ dài hai đáy là 15cm và 13cm, chiều cao 6cm.

84dm^2

A

24dm^2

B

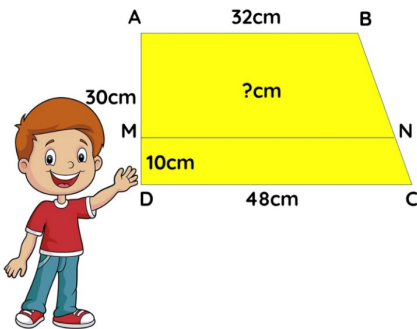
84cm^2

C

24cm^2

D

Câu 14: Cho hình thang ABCD có góc A và góc D vuông, đáy nhỏ $AB = 32\text{cm}$, đáy lớn $CD = 48\text{cm}$, cạnh $AD = 30\text{cm}$. Trên cạnh AD lấy điểm M sao cho $DM = 10\text{cm}$. Từ M kẻ đường thẳng song song với DC và cắt BC tại N, biết $MN = \frac{5}{6} DC$. Tính diện tích hình thang ABNM.



A. 730cm^2

B. 730dm^2

C. 730m^2



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 15: Tổng độ dài hai đáy là 24cm. Đáy lớn hơn đáy bé 6cm. Chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ đáy bé. Tính diện tích của hình tam giác đó.

36dm²

A

24dm²

B

24cm²

C

36cm²

D

Câu 20: Bạn Minh tập chạy xe đạp, bánh xe đạp hình tròn có bán kính 0,7m. Để chạy hết quãng đường từ nhà đến trường, bạn Minh đã chạy được 240 vòng. Hỏi quãng đường từ nhà đến trường của Minh dài bao nhiêu ki-lô-mét?

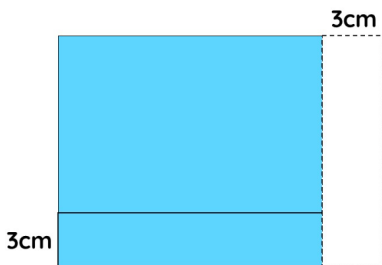


A. 10,5504km

B. 105,504km

C. 1,05504km

Câu 21: Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 48cm. Nếu tăng chiều rộng thêm 3cm, giảm chiều dài đi 3cm thì được một hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



A. 567cm²

B. 567m²

C. 567dm²

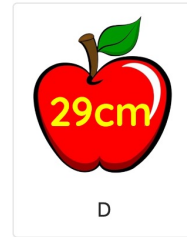
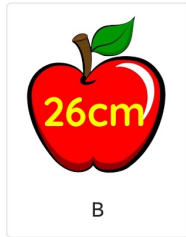
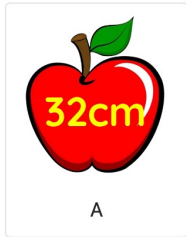


HOC247 Kids

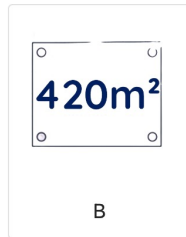
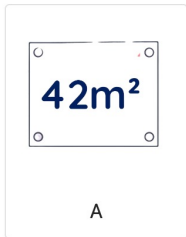
Kids.hoc247.vn



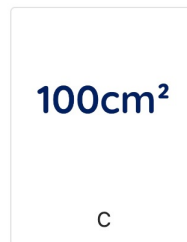
Câu 22: Tính chu vi của hình chữ nhật, biết hình chữ nhật có diện tích là 42cm^2 và có chiều dài là 7cm .



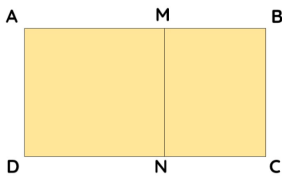
Câu 23: Để lát gạch một căn phòng, người ta dùng 420 viên gạch hình vuông có chu vi là 40cm . Tính diện tích của nền phòng bằng mét vuông.



Câu 24: Tính diện tích của hình vuông, biết rằng hình vuông có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài là 24cm và chiều rộng là 16cm .



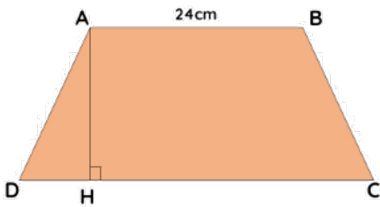
Câu 25: Người ta ngăn thửa đất hình chữ nhật thành mảnh đất hình vuông và mảnh đất hình chữ nhật. Biết chu vi thửa đất ban đầu hơn chu vi mảnh đất hình nhật là 24m. Diện tích của thửa đất ban đầu hơn diện tích của thửa đất hình vuông là 84m^2 . Tính diện tích thửa đất ban đầu.


A. 228m^2

B. 228cm^2

C. 114m^2

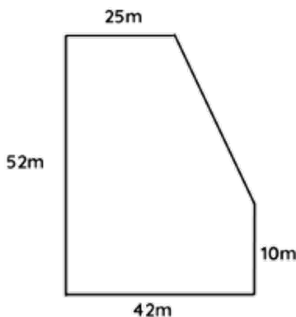
Câu 30: Tính diện tích của hình thang ABCD, đáy AB bằng 24cm, đáy CD bằng $\frac{3}{2}$ AB. Chiều cao AH của hình thang bằng trung bình cộng của hai đáy. Tính diện tích của hình thang ABCD.


A. 500cm^2

B. 400cm^2

C. 900cm^2

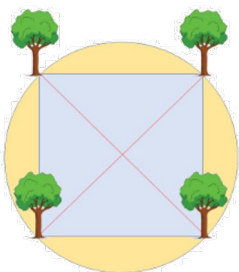
Câu 31: Tính diện tích mảnh đất có kích thước theo hình vẽ dưới đây:


A. 1827m^2

B. 3248m^2

C. 1827dm^2


Câu 32: Một cái ao hình vuông có diện tích 450m^2 và ở bốn góc trồng bốn cái cây. Anh Năm mở rộng cái ao đó để được một cái ao hình tròn nhưng vẫn giữ nguyên 4 cây cổ thụ như hình vẽ. Tính diện tích của cái ao hình tròn.



A. $706,5\text{dm}^2$

B. $706,5\text{m}^2$

C. $706,5\text{cm}^2$

Câu 33: Bác nông dân trồng hoa trên một thửa ruộng hình thang vuông có đáy lớn bằng 120m và chiều cao bằng 40m . Nếu mở rộng thửa ruộng thành mảnh đất hình chữ nhật mà vẫn giữ nguyên đáy lớn thì diện tích thửa ruộng tăng thêm 600m^2 . Hỏi diện tích ban đầu của thửa ruộng là bao nhiêu hecta?



A. $4,2\text{ha}$

B. 420ha

C. $0,42\text{ha}$

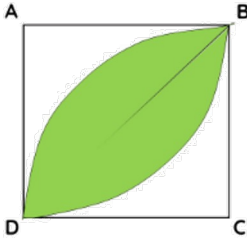


HOC247 Kids

[Kids.hoc247.vn](https://kids.hoc247.vn)



Câu 34: Cho hình vuông ABCD có cạnh là 20cm. Tính diện tích chiếc lá có trong hình. Biết hình chiếc lá tạo bởi một phần tư hình tròn tâm A, bán kính AB.


A. 228cm^2

B. 228m^2

C. 228dm^2

Câu 35: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 42m, chiều rộng 32m. Chính giữa có một cái ao hình tròn đường kính 7m. Tính diện tích đất còn lại.


A. $1190,14\text{cm}^2$

B. $1190,14\text{dm}^2$

C. $1190,14\text{m}^2$

Câu 39: Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật làm bằng kính (không có nắp) có chiều dài 80cm, chiều rộng 50cm, chiều cao 45cm. Mực nước ban đầu trong bể cao 35cm. Người ta cho vào bể một hòn đá có thể tích 10dm^3 . Hỏi mực nước trong bể lúc này cao bao nhiêu xăng-ti-mét?



A. 35,5cm

B. 35,7cm

C. 37,5cm

Câu 40: Một cái bể chứa nước hình hộp chữ nhật dài 2m, rộng 1,5m, cao 1,2m. Bể hiện chứa đầy nước, người ta lấy ra 45 thùng nước, mỗi thùng 20 lít. Hỏi mực nước trong bể bây giờ còn cao bao nhiêu?

A. 2400 lít nước

B. 2500 lít nước

C. 2700 lít nước

Câu 41: Hãy chọn đáp án đúng!

Một bể cá cảnh hình hộp chữ nhật có chiều **1,2m**, chiều rộng **0,4m** và chiều cao **0,6m**. Mực nước trong bể cao **35cm**. Sau khi thả hòn Non Bộ vào trong bể thì mực nước trong bể cao **47cm**. Tính thể tích hòn Non Bộ.



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



A. $0,0576\text{m}^3$ B. $0,0756\text{m}^3$ C. $0,0567\text{m}^3$

Câu 42: Một hình hộp chữ nhật có diện tích toàn phần là 880cm^2 , chu vi đáy là 60cm , chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tìm chiều cao hình hộp chữ nhật đó.

A. 6cm B. 7cm C. 8cm

Câu 43: Cho hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là $217,5\text{m}^2$ và có nửa chu vi mặt đáy bằng $14,5\text{m}$. Tính chiều cao của hình hộp chữ nhật đó.

 $7,5\text{m}$ $5,5\text{m}$ $5,8\text{m}$ **HOC247 Kids****Kids.hoc247.vn**



Câu 44: Một hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là 41dm^2 , chiều cao $2,5\text{dm}$, chiều rộng $3,7\text{dm}$. Hỏi diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

73,4

A

43,7

B

47,3

C

74,3

D

Câu 45: Một hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông. Biết diện tích đáy là 81cm^2 và bằng $\frac{1}{5}$ diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó. Tính chiều cao của hình hộp chữ nhật đó.

A. 3,75cm

B. 3,57cm

C. 5,35cm

Câu 46: Có hai hình lập phương, diện tích toàn phần của hình lập phương thứ nhất là 486cm^2 , diện tích toàn phần của hình lập phương thứ hai là 54cm^2 . Hỏi diện tích toàn phần của hình lập phương thứ nhất gấp mấy lần diện tích toàn phần hình lập phương thứ hai?





Câu 47: Cho hình lập phương có diện tích toàn phần bằng $11,76\text{dm}^2$. Vậy diện tích xung quanh của hình lập phương đó là:

A. $7,48\text{dm}^2$

B. $8,74\text{dm}^2$

C. $7,84\text{dm}^2$

Câu 48: Người ta làm một hộp gỗ hình lập phương có độ dài mỗi cạnh bằng 35cm . Cứ mỗi mét vuông gỗ có giá $40\,000$ đồng. Hỏi người ta làm hộp gỗ hết bao nhiêu tiền, biết tiền công đóng hộp là $80\,000$ đồng?

104 900 đồng

109 400 đồng

105 800 đồng



Câu 49: Phải xếp bao nhiêu hình lập phương nhỏ có cạnh 1dm để được một hình lập phương lớn có diện tích toàn phần là 384dm^2 ?

A. 542 hình

B. 456 hình

C. 512 hình

Câu 50: Có 27 hình lập phương, mỗi hình có thể tích 8cm^3 . Xếp 27 hình đó thành một hình lập phương lớn. Hỏi hình lập phương lớn có cạnh bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

6

A

7

B

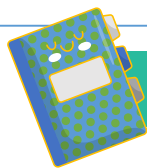
8

C

9

D





ĐÁP ÁN

1 A	6D	11A	16C	21C
2 C	7B	12B	17A	22A
3D	8A	13D	18C	23C
4B	9A	14A	19A	24C
5A	10C	15D	20B	25C

26A	27C	28A	29D	30A
31D	32C	33B	34C	35A

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



TOÁN CHUYỂN ĐỘNG



Cộng số đo thời gian

- ➔ - Viết các số đo có cùng tên đơn vị thẳng hàng, cột với nhau.
- Thực hiện cộng các số đo có cùng tên đơn vị với nhau theo thứ tự từ hàng đơn vị thấp đến hàng đơn vị cao. Nếu tổng số lớn hơn 1 đơn vị ở hàng liền trên thì đổi ra hàng đơn vị liền trên đó rồi cộng với với tổng số đo của hàng liền trên. Nếu tổng đó lại lớn hơn 1 đơn vị hàng liền trên nó thì lại đổi tiếp ra hàng đơn vị liền trên.

Ví dụ: Đặt tính rồi tính: 3 giờ 15 phút + 2 giờ 35 phút = ?

$$\begin{array}{r}
 3 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \\
 + 2 \text{ giờ } 35 \text{ phút} \\
 \hline
 5 \text{ giờ } 50 \text{ phút}
 \end{array}$$

Vậy: 3 giờ 15 phút + 2 giờ 35 phút = 5 giờ 50 phút



Trừ số đo thời gian

- ➔ - Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tính như đối với phép trừ các số tự nhiên.
- Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.
- Nếu số đo theo đơn vị nào đó ở số bị trừ bé hơn số đo tương ứng ở số trừ thì cần chuyển đổi 1 đơn vị hàng lớn hơn liền kề sang đơn vị nhỏ hơn rồi thực hiện phép trừ như bình thường .



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Ví dụ 1: Đặt tính rồi tính: 9 giờ 45 phút - 3 giờ 12 phút.

Ta đặt tính rồi tính như sau:

$$\begin{array}{r} 9 \text{ giờ } 45 \text{ phút} \\ - \quad 3 \text{ giờ } 12 \text{ phút} \\ \hline 6 \text{ giờ } 33 \text{ phút} \end{array}$$

Vậy: 9 giờ 45 phút - 3 giờ 12 phút = 6 giờ 33 phút

Ví dụ 2:

Đặt tính rồi tính: 14 phút 15 giây - 8 phút 39 giây.

Phương pháp:

- Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tính như đối với phép trừ các số tự nhiên.
- Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.
- Ta thấy 15 giây < 39 giây nên không thực hiện được phép trừ 15 giây - 39 giây, do đó ta chuyển 1 phút = 60 giây và cộng thêm 15 giây thành 75 giây. Khi đó ta thực hiện phép tính trừ: 13 phút 75 giây - 8 phút 39 giây.

Cách giải:

Ta đặt tính rồi tính như sau:

$$\begin{array}{r} 14 \text{ phút } 15 \text{ giây} \\ - \quad 8 \text{ phút } 39 \text{ giây} \\ \hline \end{array} \quad \text{đổi thành} \quad \begin{array}{r} 13 \text{ phút } 75 \text{ giây} \\ - \quad 8 \text{ phút } 39 \text{ giây} \\ \hline 5 \text{ phút } 36 \text{ giây} \end{array}$$

Vậy: 14 phút 15 giây - 8 phút 39 giây = 5 phút 36 giây.



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Nhân số đo thời gian

➔ - Muốn nhân một số đo thời gian với một số, ta lần lượt nhân số đơn vị của từng hàng với số đó theo thứ tự từ hàng đơn vị thấp đến hàng đơn vị cao. Nếu tích số lớn hơn 1 đơn vị của hàng liền trên thì đổi ra đơn vị hàng liền trên rồi cộng với tích số của hàng liền trên. Nếu tổng đó lớn hơn 1 đơn vị của hàng liền trên nó thì lại đổi tiếp ra đơn vị của hàng liền trên rồi cộng với tích số của hàng đó.

Ví dụ: Đặt tính rồi tính: $1 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 3 = ?$

$$\begin{array}{r} \times \quad 1 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \\ \quad \quad \quad 3 \\ \hline 3 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \end{array}$$

Vậy: $1 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 3 = 3 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$



Chia số đo thời gian

➔ - Muốn chia một số đo thời gian cho một số, ta lấy số đơn vị ở hàng cao nhất chia cho số đó, còn dư bao nhiêu thì đổi đơn vị sang hàng thấp hơn kế tiếp, gộp vào với số đơn vị của hàng ấy rồi lại chia tiếp cho số đó. Cứ làm như thế cho đến số đơn vị của hàng cuối cùng.

Ví dụ: Đặt tính rồi tính: $42 \text{ phút } 30 \text{ giây} : 3 = ?$

$$\begin{array}{r|l} 42 \text{ phút } 30 \text{ giây} & 3 \\ 12 & 14 \text{ phút } 10 \text{ giây} \\ 0 & 30 \text{ giây} \\ & 00 \end{array}$$

Vậy: $42 \text{ phút } 30 \text{ giây} : 3 = 14 \text{ phút } 10 \text{ giây}$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



III Toán chuyển động



Bài toán chuyển động đều

Vận tốc

Muốn tính vận tốc ta lấy
quãng đường chia cho thời gian.



$$v = \frac{s}{t}$$

Quãng đường

Muốn tính quãng đường ta lấy
vận tốc nhân với thời gian.



$$s = v \times t$$

Thời gian

Muốn tính thời gian ta lấy
quãng đường chia cho vận tốc.



$$t = \frac{s}{v}$$

Trong đó:



v : vận tốc

s : quãng đường

t : thời gian



III Toán chuyển động



Bài toán vận tốc trung bình

1. Các công thức cần nhớ

- Thời gian đi = quãng đường : vận tốc = giờ đến - giờ khởi hành - giờ nghỉ (nếu có).
- Giờ khởi hành = giờ đến nơi - thời gian đi - giờ nghỉ (nếu có).
- Giờ đến nơi = giờ khởi hành + thời gian đi + thời gian nghỉ (nếu có).
- Vận tốc = quãng đường : thời gian ($v = s:t$)
- Quãng đường = vận tốc $\times$ thời gian ($s = v.t$)

2. Phương pháp giải

Dạng 1:

- Có thể tính được cả S và t.
- Cách làm: tính S và t $\Rightarrow v = S/t$.

Dạng 2:

- Cho biết vận tốc trên từng phần quãng đường.
- Cách làm: Gọi S là độ dài cả quãng đường.
 - + Tính tổng thời gian theo vận tốc trung bình và S
 - + Tính tổng thời gian theo các vận tốc thành phần và S.
- Thời gian trong 2 cách tính bằng nhau nên ta có liên hệ giữa vận tốc trung bình với các vận tốc thành phần.



III Toán chuyển động



Bài toán vận tốc trung bình

Dạng 3 :

- Cho biết vận tốc trong từng khoảng thời gian.
- Cách làm: Gọi t là tổng thời gian chuyển động hết quãng đường.
 - + Tính tổng quãng đường theo vận tốc trung bình và t .
 - + Tính tổng quãng đường theo vận tốc thành phần và t .
- Quãng đường trong 2 cách tính bằng nhau nên ta có liên hệ giữa vận tốc trung bình và các vận tốc thành phần.

Ví dụ: Một người đi cơ quan về nhà mình, khoảng cách từ cơ quan đến nhà là 12km. Ban đầu người này đi đều với vận tốc 30km/h. Sau đó, vì đường khó đi nên vận tốc của xe thay đổi liên tục, lúc thì 24km/h, lúc thì 25km/h.... Khi về gần đến nhà vận tốc của người đó giảm chỉ còn 10km/h. Vì vậy, tổng thời gian người đó đã đi là 45 phút. Vận tốc trung bình của xe trên quãng đường là:

Bài giải

- Đổi: 45 phút = 0,75 giờ
- Vận tốc trung bình của người đó trên quãng đường là:

$$v = \frac{S}{t} = \frac{12}{0,75} = 16(\text{km} / \text{h})$$



III Toán chuyển động



Chuyển động cùng chiều, ngược chiều,
dòng nước

Chuyển động cùng chiều

Gọi vận tốc là v , quãng đường là s , thời gian là t ,
ta có công thức:

- $v = s : t$
- $s = v \times t$
- $t = s : v$

Chuyển động ngược chiều



Chuyển động ngược chiều

xuất phát cùng lúc



1 Tìm tổng vận tốc:  $v = v_1 + v_2$

2 Thời gian để hai xe gặp nhau:  $t = s : v$

3 Thời điểm hai xe gặp nhau

= Thời điểm khởi hành + thời gian đi đến chỗ gặp nhau

4 Vị trí hai xe gặp nhau cách A:

 $s_1 = v_1 \times t$



Ví dụ: Hai thành phố cách nhau **208,5km**, một xe máy đi từ thành phố A đến thành phố B với vận tốc là **38,6 km/giờ**. Một ô tô khởi hành cùng một lúc với xe máy đi từ thành phố B đến thành phố A với vận tốc **44,8 km/giờ**. Hỏi xe máy và ô tô gặp nhau lúc mấy giờ biết hai xe khởi hành lúc 8 giờ 30 phút?

Bài giải



Hỏi xe máy và ô tô gặp nhau lúc mấy giờ biết hai xe khởi hành lúc 8 giờ 30 phút?

Tổng vận tốc hai xe là: $38,6 + 44,8 = 83,4$ (km/giờ)

Thời gian hai xe đi đến chỗ gặp nhau là: $208,5 : 83,4 = 2,5$ (giờ)

Đổi: $2,5$ giờ = 2 giờ 30 phút

Thời gian hai xe gặp nhau là: 8 giờ 30 phút + 2 giờ 30 phút = 11 giờ



Chuyển động ngược chiều



không xuất phát cùng lúc

- Tìm thời gian xe đi trước: t_1
- Tìm quãng đường xe thứ nhất đi trước: $S_1 = v_1 \times t_1$
- Tìm quãng đường còn lại: $S_2 = S - S_1$
- Tìm tổng vận tốc: $v = v_1 + v_2$
- Thời gian gặp nhau của hai xe: $t_2 = S_2 : (v_1 + v_2)$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Ví dụ : Quãng đường từ A đến B dài **91,5km**. Một người đi xe đạp từ A lúc **13 giờ 15 phút** đến B với vận tốc **12km/giờ**. Đến **13 giờ 45 phút**, một người đi xe máy từ B về A với vận tốc **45km/giờ**. Hỏi hai người gặp nhau lúc mấy giờ và người đi xe đạp đi được bao nhiêu km?

Bài giải

Thời gian xe đạp đi trước xe máy là: Thời gian máy đi đến chỗ gặp nhau là:

$$13 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 13 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 30 \text{ phút}$$

$$(91,5 - 6) : 57 = 1,5 \text{ (giờ)}$$

$$\text{Đổi: } 30 \text{ phút} = 0,5 \text{ giờ}$$

$$\text{Đổi } 1,5 \text{ giờ} = 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$$

Quãng đường xe đạp đi trước xe máy

Hai người gặp nhau lúc:

$$\text{là: } 12 \times 0,5 = 6 \text{ (km)}$$

$$13 \text{ giờ } 45 \text{ phút} + 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 15 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$$

Tổng vận tốc hai xe là:

Người đi xe đạp đi được số km là:

$$12 + 45 = 57 \text{ (km/giờ)}$$

$$6 + 1,5 \times 12 = 24 \text{ (km)}$$

Chuyển động dòng nước

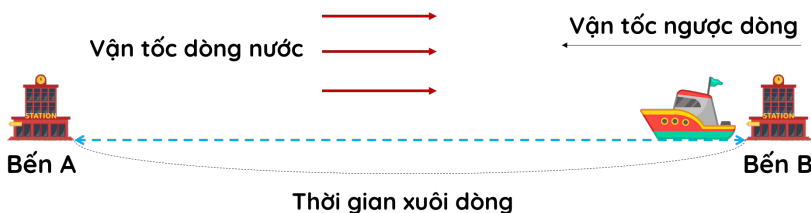
Chuyển động xuôi dòng



Vận tốc xuôi dòng = vận tốc thuyền khi dòng nước đứng yên + vận tốc dòng nước

Thời gian xuôi dòng = Độ dài quãng đường AB : vận tốc xuôi dòng.

Chuyển động ngược dòng



Vận tốc ngược dòng = Vận tốc thuyền khi dòng nước đứng yên - vận tốc dòng nước

Thời gian ngược dòng = Độ dài quãng đường AB : vận tốc ngược dòng



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Một số công thức cần nhớ

Vận tốc của thuyền = (vận tốc xuôi dòng + vận tốc ngược dòng) : 2

Vận tốc dòng nước = (vận tốc xuôi dòng – vận tốc ngược dòng) : 2

Vận tốc xuôi dòng – vận tốc ngược dòng = Vận tốc dòng nước x 2

⚡ Chú ý:

Vận tốc thực của thuyền chính là vận tốc của thuyền khi dòng nước đứng yên (hay dòng nước yên lặng).

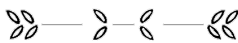
Ví dụ:

Một ca nô đi bến A cách bến B với vận tốc xuôi dòng 40 km/giờ, lúc từ B về A ca nô đi với vận tốc ngược dòng 30 km/giờ. Tính vận tốc của dòng nước và vận tốc của ca nô khi dòng nước đứng yên?



Vận tốc của dòng nước: ...km/giờ?

Vận tốc của ca nô khi dòng nước đứng yên: ...km/giờ?



Vận tốc của dòng nước là:

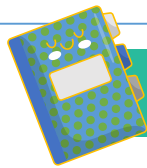
$$(40 - 30) : 2 = 5 \text{ (km/giờ)}$$

Vận tốc của ca nô khi dòng nước đứng yên là:

$$40 - 5 = 35 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 5 km/giờ ; 35 km/giờ





BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?



Câu 2: Điền số thích hợp vào ô trống:

Tháng hai (năm nhuận) có ngày.



Câu 3: Một vòi nước chảy vào bể từ lúc 8 giờ 15 phút đến 9 giờ 24 phút thì được $3,5\text{m}^3$ nước. Hỏi sau bao lâu bể đầy nước, biết rằng thể tích của bể là 14m^3 .



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 4: Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước ngày 5 tháng 6 năm 1911. Hỏi Bác ra đi tìm đường cứu nước vào thế kỉ nào?

Thế kỉ XVIII

Thế kỉ XIX

Thế kỉ XX

Câu 5: Bác thợ mộc làm một bộ bàn ghế gồm 1 cái bàn và 4 cái ghế hết 22 giờ 30 phút. Biết rằng thời gian làm 1 cái bàn thời gian làm 2 cái ghế. Hỏi trung bình làm một cái ghế mất bao nhiêu thời gian?

5 giờ
15 phút

A

3 giờ
55 phút

B

4 giờ
25 phút

C

3 giờ
45 phút

D

Câu 6: Một chiếc máy khâu được phát minh năm 1898. Hỏi chiếc máy khâu đó được phát minh vào thế kỉ nào?



A. Thế kỉ XVIII

B. Thế kỉ XIX

C. Thế kỉ XX



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 7: Tính

$$4 \text{ giờ } 36 \text{ phút} + 18 \text{ phút} : 3$$

3 giờ
12 phút
A

1 giờ
36 phút
B

2 giờ
21 phút
C

1 giờ
38 phút
D

Câu 8: Một ô tô được phát minh năm 1886. Một chiếc máy bay được phát minh sai ô tô đó là 17 năm. Hỏi chiếc máy bay đó được phát minh vào thế kỉ nào?

Thế kỉ XX

Thế kỉ XXI

Thế kỉ XIX

Câu 9: Hãy chọn đáp án đúng!

Lan gấp hoa từ 8 giờ 12 phút đến 8 giờ 40 phút được 8 bông hoa. Hỏi trung bình Lan gấp một bông hoa trong thời gian bao lâu?

40 phút

4,5 phút

3,5 phút



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 10: Ngày 28 tháng 3 năm 2017 là thứ ba. Hỏi ngày 28 tháng 3 năm 2019 là thứ mấy?

A. Thứ ba

B. Thứ năm

C. Thứ bảy

Câu 11: Điền số thích hợp vào ô trống:

$$32 \text{ phút } 16 \text{ phút} \times 3 : 4$$

$$= \boxed{} \text{ phút } \boxed{} \text{ giây}$$



Theo thứ tự từ trái sang phải là 16 và 12.

Theo thứ tự từ trái sang phải là 24 và 12.

Theo thứ tự từ trái sang phải là 24 và 11.

Câu 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:
 Một ô tô đi từ A đuổi theo xe máy đi từ B (hai xe khởi hành cùng một lúc), sau 2 giờ ô tô đuổi kịp xe máy tại C. Biết vận tốc xe ô tô là 65km/giờ, vận tốc xe máy là 45 km/giờ. Vậy độ dài quãng đường AB là ...km.

30



A

40



B

50



C

60



D



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 13: Tính:

21 tuần 1 ngày - 12 tuần 3 ngày + 4 tuần 2 ngày

15 tuần

13 tuần

16 tuần

Câu 14: Hãy chọn đáp án đúng!

Một người đi xe đạp từ A lúc 8 giờ 45 phút và đến B lúc 10 giờ 20 phút. Khi đi từ B về A người đó đi xe máy nên hết ít thời gian hơn lúc đi là 0,45 giờ. Tính thời gian người đó đi xe máy từ B về A.



1 giờ 15 phút.

2 giờ 7 phút.

1 giờ 8 phút.

Câu 15: Một đội công nhân chuyển gạo vào 3 kho. Thời gian chuyển gạo vào kho thứ nhất là 1 giờ 24 phút. Biết thời gian chuyển gạo vào kho thứ hai gấp 3 lần thời gian chuyển gạo vào kho thứ nhất. Thời gian chuyển gạo vào kho thứ ba gấp 2 lần thời gian chuyển gạo vào kho thứ hai. Tính tổng thời gian chuyển gạo vào 3 kho.

15 giờ

A

14 giờ

B

16 giờ

C

17 giờ

D



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 16: Hãy chọn đáp án đúng!



Bình đi từ nhà ra bến xe rồi lại quay trở về nhà thì hết 2 giờ 30 phút. Biết quãng đường từ nhà đến bến xe dài 10,5km và Bình dừng lại bến xe 45 phút. Biết rằng vận tốc đi của Bình không thay đổi. Vậy vận tốc của Bình là:



6 km/giờ

3,23 km/giờ

12 km/giờ

Câu 17: Hà đi học lúc 6 giờ 45 phút và dự định đến trường lúc 7 giờ 30 phút. Hôm nay đi khỏi nhà được 600m thì Hà phải quay về lấy 1 quyển vở để quên nên khi đến trường thì đúng 7 giờ 45 phút. Tính vận tốc của Hà, biết vận tốc của Hà là không đổi.

4,8 km/giờ.

3,2 km/giờ.

2,6 km/giờ.

Câu 18: Cô Hà đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12 km/giờ. Biết quãng đường AB dài 18km và cô Hà xuất phát từ A lúc 6 giờ 20 phút. Hỏi đến 7 giờ 40 phút, cô Hà còn cách B bao nhiêu ki-lô-mét?



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn





A



B



C



D

Câu 19: Hãy chọn đáp án đúng!



Một ô tô đi hết quãng đường 60km trong 2,5 giờ. Với cùng vận tốc như thế, ô tô đi hết quãng đường 90km trong mấy giờ?

3,75

4,15

5,25



Câu 20: Quãng đường AB dài 120km. Lúc 7 giờ 30 phút một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 50 km/giờ và nghỉ trả khách 45 phút. Sau đó ô tô đi từ B về A với vận tốc 60 km/giờ. Hỏi ô tô về đến A lúc mấy giờ?

12 giờ 19 phút

11 giờ 54 phút

12 giờ 39 phút

Câu 21: Hãy chọn đáp án đúng!



Một người đi xe đạp từ B đến C với vận tốc 12 km/giờ, cùng lúc đó một người đi xe máy từ A cách B là 60km với vận tốc 36 km/giờ và đuổi theo xe đạp (xem hình vẽ). Hỏi kể từ lúc bắt đầu đi, sau mấy giờ xe máy đuổi kịp xe đạp?

5 giờ

1,25 giờ

2,5 giờ



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 22: Một người đi xe máy trên một quãng đường, trong 2,5 giờ đầu người đó đi với vận tốc 46 km/giờ, trong 1,5 giờ người đó đi với vận tốc 42 km/giờ. Tính vận tốc trung bình của người đó trên suốt quãng đường đã đi?



A. 41,5 km/giờ

B. 44,5 km/giờ

C. 36,5 km/giờ

Câu 23: Một người đi ô tô từ A đến B với vận tốc là 50 km/giờ, sau đó lại đi từ B về tới A với vận tốc 30 km/giờ. Tính vận tốc trung bình của người đó trên quãng đường đi và về?

42,5
km/giờ



A

37,5
km/giờ



B

45,5
km/giờ



C

32,5
km/giờ



D

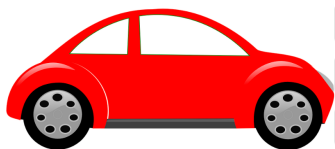
Câu 24: Một ô tô đi từ điểm A đến điểm B. Nửa thời gian đầu, ô tô đi với vận tốc 60 km/giờ. Nửa thời gian sau, ô tô đi với vận tốc 52 km/giờ. Tính vận tốc trung bình mà ô tô đã đi trên quãng đường AB.



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn





56 km/giờ

63 km/giờ

46 km/giờ

Câu 25: Một người đi bộ từ A đến B rồi lại quay trở về A. Lúc đi với vận tốc 6km/giờ nhưng lúc về đi ngược gió nên chỉ đi với vận tốc 3km/giờ. Hãy tính vận tốc trung bình cả đi lẫn về của người.



Câu 26: Một máy bay có vận tốc trung bình trong cả chuyến bay là 600 km/giờ. Trên quãng đường đầu, vận tốc của máy bay là 700 km/giờ. Tính vận tốc của máy bay trong quãng đường sau biết thời gian bay quãng đường đầu bằng $\frac{1}{4}$ thời gian cả chuyến bay.



A. 640 km/giờ

B. 750 km/giờ

C. 850 km/giờ



Câu 27: Bạn Hùng đi từ A đến B. Nửa quãng đường đầu Hùng đi với vận tốc 40 km/giờ. Nửa quãng đường còn lại Hùng đi với vận tốc 15 km/giờ. Tính vận tốc trung bình của Hùng trên suốt quãng đường AB.

37,5
km/giờ

A

30
km/giờ

B

20
km/giờ

C

45,5
km/giờ

D

Câu 28: Lúc 7 giờ một ô tô chở hàng đi từ A với vận tốc 48 km/giờ. Đến 8 giờ 30 phút một ô tô du lịch cũng đi từ A với vận tốc 68 km/giờ và đi cùng chiều với ô tô chở hàng. Tìm thời gian đi để xe ô tô du lịch đuổi kịp xe ô tô chở hàng.

3,6 giờ

2,75 giờ

0,62 giờ



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 29: Vận tốc xuôi dòng của ca nô bằng vận tốc thực của ca nô trừ đi vận tốc dòng nước. Phát biểu đó đúng hay sai?

Sai

Đúng

Câu 30: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Một xe máy đi từ A và B với vận tốc 36 km/giờ. Sau 1 giờ 15 phút, một ô tô cũng đi từ A đến B và đuổi theo xe máy. Sau 1 giờ 30 phút, ô tô đuổi kịp xe máy. Vậy vận tốc ô tô là km/giờ.

33



A

44



B

55



C

66



D

Câu 31: Hai ca nô khởi hành cùng một lúc, đi ngược chiều nhau trên quãng đường sông AB dài 153km. Vận tốc của ca nô đi từ A đến B là 36 km/giờ và hơn vận tốc ca nô đi từ B đến A là 4 km/giờ. Hỏi kể từ khi khởi hành, sau bao lâu hai ca nô gặp nhau?

2,35

giờ



A

2,25

giờ



B

4,35

giờ



C

4,25

giờ



D



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 32: Hai thành phố A và B cách nhau 135km. Một xe máy đi từ A đến B với vận tốc 42 km/giờ và một xe đạp đi từ B về A với vận tốc 12 km/giờ. Hỏi sau bao lâu hai xe gặp nhau? Lúc gặp nhau xe máy cách B bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 2,5 giờ ; 105km

B. 4, giờ ; 54km

C. 2,5 giờ ; 30km

Câu 33: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Một ô tô đi từ thị xã A đến thị B với vận tốc là 48 km/giờ. Cùng lúc đó một ô tô đi từ thị xã B đến thị xã A với vận tốc 54 km/giờ. Sau 2 giờ 30 phút hai ô tô gặp nhau. Vậy quãng đường từ thị xã A đến B dài ... km.

415



A

345



B

245



C

255



D

Câu 34: Hai bến sông A và B cách nhau 32km. Cùng một lúc ca nô thứ nhất đi xuôi dòng từ A đến B và ca nô thứ hai đi ngược dòng từ B đến A. Hỏi sau bao lâu hai ca nô sẽ gặp nhau, biết vận tốc của hai ca nô khi nước lặng đều bằng 20 km/giờ và vận tốc dòng nước là 2 km/giờ.



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



48 phút.

50 phút.

35 phút.

Câu 35: Lúc 7 giờ 40 phút ca nô đi ngược dòng từ bến B và về bến A lúc 8 giờ 20 phút. Biết vận tốc của ca nô khi nước lặng là 27 km/giờ và vận tốc dòng nước là 3 km/giờ. Vậy khoảng cách giữa hai bến A và bến B là:

18km

A

15km

B

16km

C

17km

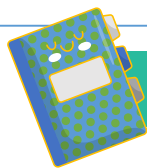
D



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn





ĐÁP ÁN

1B	6B	11B	16C	21C
2B	7D	12B	17A	22B
3C	8A	13B	18B	23B
4C	9C	14C	19A	24A
5D	10B	15B	20C	25A

26C	27C	28A	29A	30D
31B	32C	33D	34A	35C

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!

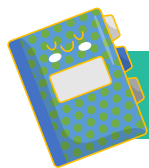


HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



DẠNG TOÁN ĐẶC BIỆT



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM



Dạng toán về dãy số

Điền thêm số hạng vào sau, giữa hoặc trước một dãy số

Trước hết ta cần xác định lại quy luật của dãy số:

- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng trước nó cộng (hoặc trừ) với một số tự nhiên a .
- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng trước nó nhân (hoặc chia) với một số tự nhiên q khác 0.
- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 3) bằng tổng 2 số hạng đứng liền trước nó.
- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 4) bằng tổng của số hạng đứng trước nó cộng với số tự nhiên d rồi cộng với số thứ tự của số hạng ấy.
- + Số hạng đứng sau bằng số hạng đứng trước nhân với số thứ tự của nó.
- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) trở đi đều bằng a lần số liền trước nó.
- + Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) trở đi, mỗi số liền sau bằng a lần số liền trước nó cộng (trừ) n (n khác 0).





Ví dụ

Viết tiếp 3 số hạng vào dãy số sau: 1, 3, 4, 8, 15, 27

Bài giải:

Ta nhận thấy: $8 = 1 + 3 + 4$ $27 = 4 + 8 + 15$

$15 = 3 + 4 + 8$

Từ đó ta rút ra được quy luật của dãy số là: Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 4) bằng tổng của ba số hạng đứng liền trước nó.

Viết tiếp ba số hạng, ta được dãy số sau: **1, 3, 4, 8, 15, 27, 50, 92, 169.**



Bài toán tổng - hiệu tỉ, tỉ lệ thuận



Bài toán tổng hiệu



Phương pháp giải: Áp dụng công thức.



$$\text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$$

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$$



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



 Tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số 

 **1** Vẽ sơ theo dữ kiện bài toán.

 **2** Tính tổng (hiệu) số phần bằng nhau.

 **3** Tính số bé và số lớn dựa theo các công thức sau:

 **Tổng và tỉ số** 

Số bé = Tổng của hai số : Tổng số phần bằng nhau x Số phần của số bé.

Số lớn = Tổng của hai số - Số bé.

 **Hiệu và tỉ số** 

Số bé = Hiệu của hai số : Hiệu số phần bằng nhau x Số phần của số bé.

Số lớn = Hiệu của hai số + Số bé.



Ví dụ 1

➔ **Bố hơn con 34 tuổi. 3 năm nữa số tuổi của cả hai bố con tròn 68 tuổi. Tính tuổi hiện nay của mỗi người ?**

Bài giải

Tuổi của con 3 năm nữa là:

$$(68 - 34) : 2 = 17 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con hiện tại là:

$$17 - 3 = 14 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của bố hiện tại là:

$$34 + 14 = 48 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Con: 14 tuổi

Bố: 48 tuổi



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



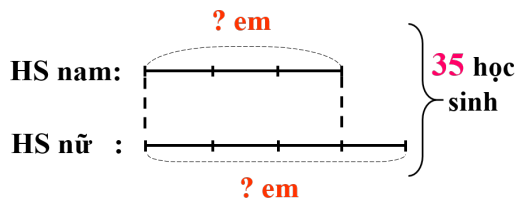


Ví dụ 2

Lớp 5A có 35 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nữ. Hỏi số học sinh nữ hơn số học sinh nam là bao nhiêu em?

Bài giải:

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 = 7$ (phần)

Số học sinh nữ là: $35 : 7 \times 4 = 20$ (học sinh)

Số học sinh nam là: $35 - 20 = 15$ (học sinh)

Học sinh nữ hơn học sinh nam

số em là: $20 - 15 = 5$ (học sinh)

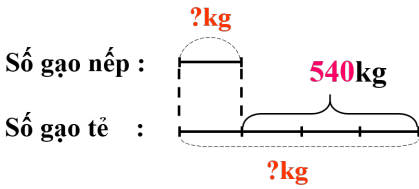


Ví dụ 3

Một cửa hàng có số gạo nếp ít hơn số gạo tẻ là 540kg.

Tính số gạo mỗi loại, biết rằng số gạo nếp bằng $\frac{1}{4}$ số gạo tẻ.



Bài giải:**Ta có sơ đồ:****Hiệu số phần bằng nhau là:**

$$4 - 1 = 3 \text{ (phần)}$$

Số ki-lô-gam gạo nếp là:

$$540 : 3 \times 1 = 180 \text{ (kg)}$$

Số ki-lô-gam gạo tẻ là:

$$540 + 180 = 720 \text{ (kg)}$$

Đáp số: Nếp: 180kg**Tẻ: 720kg****Bài toán dãy số tận cùng****I- Dạng 1: XÁC ĐỊNH SỐ CHẴN, SỐ LẺ*****GHI NHỚ:**

1- Tổng các số chẵn là một số chẵn. Tổng các số lẻ là: Số chẵn khi lượng số lẻ là số chẵn. Là số lẻ khi lượng số lẻ là số lẻ. Tổng số chẵn với số lẻ là số lẻ.

2- Hiệu của hai số lẻ là số chẵn. Hiệu của hai số chẵn là số chẵn. Hiệu SC - SL = SL.

3- Tích của các số lẻ là số lẻ. Tích có một thừa số là SC thì tích là SC.





Bài toán dãy số tận cùng

II- Dạng 2: XÁC ĐỊNH MỘT CHỮ SỐ TẬN CÙNG

*GHI NHỚ:

- 1- Chữ số tận cùng của một tổng bằng chữ số tận cùng của tổng các chữ số hàng đơn vị của các số hạng trong tổng ấy.
- 2- Chữ số tận cùng của một tích bằng chữ số tận cùng của tích các chữ số hàng đơn vị của các thừa số trong tích ấy.
- 3- Tích một số chẵn với một số tận cùng là 5 thì tận cùng là 0.
- Tích một số lẻ với một số tận cùng là 5 thì tận cùng là 5.
- Tích các số tận cùng là 1 thì tận cùng là 1, tận cùng là 6 thì là 6
- Tích $a \times a$ không thể tận cùng bằng 2; 3; 7; hoặc 8.



Ví dụ 1 Tổng của 1997 số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ 1 là một số chẵn hay lẻ? (không cần tính tổng).

Giải: Từ 1 đến 1997 có 1997 số tự nhiên liên tiếp, trong đó các số lẻ gồm: 1; 3; 5; 7; ...; 1997 và các số chẵn gồm có 2; 4; 6; 8; ...; 1996.

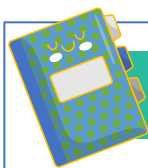


Ví dụ 2 Tìm các chữ số tận cùng của tích sau:

$$1 \times 3 \times 5 \times 7 \times \dots \times 57 \times 59.$$

Trong phép nhân có chữ thừa số 5 nên tích là một số chia hết cho 5, do đó chữ số tận cùng của tích là 0 hoặc 5. Vì các thừa số là số lẻ nên tích là số lẻ. Vậy chữ số tận cùng của tích là 5.





BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tìm một số, biết số đó chia cho 3, được bao nhiêu cộng với 5, rồi nhân với 4 thì được 60.

30

A

20

B

10

C

25

D

Câu 2: Giá trị của ô trống cần tìm là:

$$\boxed{} \times 6 : 3 = 40$$

A. 30

B. 20

C. 40

Câu 3: Giá trị của ô trống cần tìm là:

$$[(32 - \boxed{}) \times 10] : 2 = 40$$

A. 30

B. 26

C. 24





Câu 4: Lấy một số nhân với 3. Sau đó lấy tích chia cho 6. Ta lấy thương cộng thêm 4. Thì được tổng là 28. Hỏi số đó là số nào?

48

A

42

B

22

C

36

D

Câu 5: Giá trị của ô trống là:

$$(12 + \boxed{}) \times 2 = 40$$

A. 9

B. 8

C. 10

Câu 6: Mẹ đi chợ mang theo một số tiền. Mẹ mua cá hết $\frac{1}{2}$ số tiền mang theo, sau đó mẹ mua rau hết $\frac{1}{3}$ số tiền còn lại. Cuối cùng mua 1 túi kẹo cho Huệ 4000 đồng thì còn dư 20000 đồng. Hỏi mẹ đi chợ đem bao nhiêu tiền?



Mẹ đem bao nhiêu tiền đi chợ?

A. 36 000 đồng

B. 60 000 đồng

C. 72 000 đồng



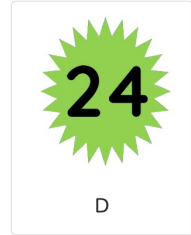
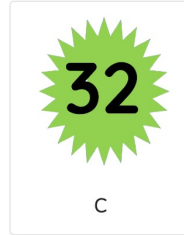
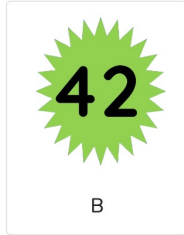
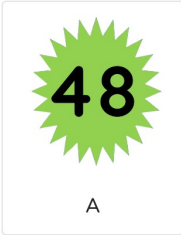
HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn

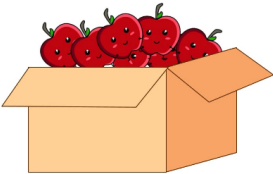




Câu 7: Mẹ mua về 1 số kẹo, mẹ chia đều cho ba chị em thì dư 2 . Sau đó, mẹ lấy 1 phần tiếp tục chia đều cho 3 chị em thì lại dư 1. Hỏi lúc đầu mẹ có ít nhất bao nhiêu viên kẹo? Biết rằng số viên kẹo trong phần cuối cùng được chia lớn hơn 2.



Câu 8: Trong một cửa hàng, $\frac{1}{2}$ số táo và thêm ba quả táo bị lấy ra khỏi hộp. Sau đó, $\frac{1}{4}$ số táo còn lại tiếp tục bị lấy ra khỏi hộp rồi để trả lại ba quả. Nếu như trong hộp còn lại 24 quả táo thì ban đầu có bao nhiêu quả?



Lúc đầu:? Quả táo

A. 82 quả táo

B. 62 quả táo

C. 70 quả táo

Câu 9: Giá trị của ô trống là:

$$[(286 - \boxed{}) + 10] : 2 = 40 - 12$$

A. 240

B. 280

C. 320



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn





Câu 10: AnAn có một ít hạt đậu. Khi AnAn chia số hạt đậu thành 3 phần bằng nhau thì thừa ra 1 hạt. AnAn tiếp tục chia mỗi phần đó ra thành 3 phần bằng nhau thì vẫn còn thừa 1 hạt. Hỏi số hạt tối thiểu mà AnAn có là bao nhiêu? Biết số hạt trong phần cuối cùng được chia lớn hơn 1

20

A

24

B

22

C

16

D

Câu 11: Ông có một số quả cam. Lúc đầu, ông chia cho ba cháu một số quả cam như nhau, thì thừa 2 quả. Sau đó, ông tiếp tục chia mỗi phần đó thành 3 phần bằng nhau cho 3 cháu thì vẫn còn thừa 1 quả. Hỏi ông có ít nhất bao nhiêu quả cam? Biết số quả cam trong phần cuối cùng được chia lớn hơn 0

10

A

14

B

15

C

20

D

Câu 12: Một xe buýt rời khỏi bến với nhiều hành khách. Ở trạm dừng thứ nhất, $\frac{1}{2}$ hành khách xuống xe. Ở trạm thứ 2, $\frac{1}{3}$ hành khách còn lại xuống xe thì còn lại 4 hành khách trên xe. Hỏi ban đầu có bao nhiêu hành khách trên xe?



9

A

6

B

8

C

12

D

Câu 13: Một xe buýt rời khỏi bến với nhiều hành khách. Ở trạm dừng thứ nhất $\frac{1}{4}$ hành khách xuống xe. Ở trạm thứ 2, $\frac{1}{2}$ hành khách còn lại xuống xe. Đến trạm thứ 3, $\frac{1}{3}$ số khách xuống xe và còn lại 2 hành khách trên xe. Hỏi ban đầu có bao nhiêu hành khách trên xe?

4

A

6

B

9

C

8

D

Câu 14 Tôi là một con số bí mật. Cộng thêm tôi cho cho 2. Sau đó lấy tổng chia cho 4. Lấy thương đó nhân với 3. Cuối cùng lấy tích trừ 7 còn lại 8. Tôi là số nào?

16

A

18

B

20

C

24

D





Câu 15: Lan cho em một nửa số kẹo và cho em thêm 2 viên vào buổi sáng của ngày. Buổi chiều Lan tiếp tục cho em thêm 3 viên kẹo số kẹo còn lại của Lan là 12 viên kẹo. Hỏi ban đầu Lan có bao nhiêu viên kẹo?



A. 34

B. 42

C. 43

Câu 16: Lấy một số nhân với 6. Sau đó lấy tích chia cho 3. Ta lấy thương cộng thêm 6. Thì được tổng là 24. Hỏi số đó là số nào?

9

A

8

B

6

C

4

D

Câu 17: Giá trị của quả táo cần tìm là:

$$12 \times \text{táo} : 4 = 90$$

A. 30

B. 40

C. 24



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 18: Giá trị của ô trống cần tìm là:

$$\boxed{} \times 5 : 2 = 40$$

A. 18

B. 16

C. 20

Câu 19: Tìm số còn thiếu:

$$[(16 + \boxed{}) - 12] : 4 = 20$$

A. 70

B. 76

C. 74

Câu 20: Tìm số còn thiếu:

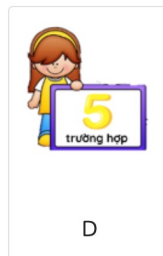
$$\{[(196 - \boxed{}) + 8] : 4\} \times 2 = 90$$

A. 24

B. 26

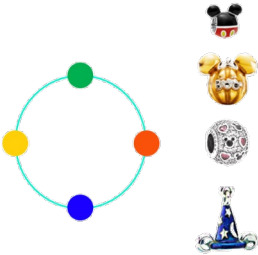
C. 28

Câu 21: Mẹ mua 3 cái khăn tay: màu cam, màu xanh lá, màu xanh biển và cho 3 chị em, mỗi người 1 cái ngẫu nhiên. Hỏi có bao nhiêu trường hợp 3 chị em sẽ nhận chiếc khăn tay?





Câu 22: Người thợ thủ công sẽ gắn 4 vật trang trí cố định tại 4 điểm của chiếc vòng tay. Hỏi người thợ có bao nhiêu cách để gắn vật trang trí lên vòng tay?



A. 20 cách

B. 24 cách

C. 30 cách

Câu 23: Có bao nhiêu số có hai chữ số và mỗi số đều có chữ số 7?



A



B

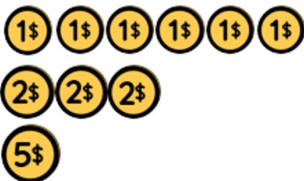


C



D

Câu 24: Anna có 6 đồng xu 1\$, 3 đồng xu 2\$, 1 đồng xu 5\$. Cậu ấy cần 8\$ để mua một quyển tập. Hỏi Anna có bao nhiêu cách để tạo thành 8\$ với những đồng xu đó?



A. 12 cách

B. 5 cách

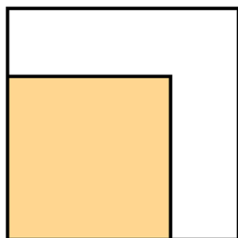
C. 4 cách



Câu 25: Khi đến cửa hàng Pizza247, khách lựa chọn 1 trong 3 loại đế bánh: đế dày, đế vừa, đế mỏng. Và khách lựa chọn 1 thành phần đi kèm cho bánh: phô mai, xúc xích, hải sản. Hỏi khách có bao nhiêu cách lựa chọn loại bánh pizza?



Câu 26: Có 2 hình vuông trong hình dưới đây. Vùng không được tô đậm có diện tích 20 cm^2 . Tính chu vi của vùng không được tô đậm đó.



A. 24cm

B. 28cm

C. 32cm

Câu 27: Gieo một súc sắc 6 mặt có số chấm trên mỗi mặt là 1, 2, 3, 4, 5, 6. Hỏi có bao nhiêu cách để tích số chấm của hai lần gieo là số chẵn?





Câu 28: Tim quên mật khẩu mở ổ khóa gồm có 4 chữ số. Tim chỉ nhớ mật khẩu gồm chữ số: 0, 1, 2, 3 và mỗi chữ số chỉ xuất hiện một lần. Hỏi có bao nhiêu cách sắp xếp vị trí các chữ số để mở ổ khóa?



A. 24 cách

B. 18 cách

C. 12 cách

Câu 29: Ron đi đến xe bán kem, có ba loại kem: kem dâu, kem vani, kem trà xanh và có ba loại hạt để rắc lên kem: hạt dẻ, hạt bí, hạt điều. Ron sẽ chọn 1 loại kem và 1 loại hạt, Ron không ăn kem dâu. Hỏi Ron có bao nhiêu cách gọi món?



A



B



C



D

Câu 30: Có 8 người tham gia thi đấu cầu lông. Cứ hai người chỉ thi đấu với nhau một trận. Hỏi có bao nhiêu trận đấu diễn ra?

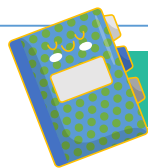


A. 45 trận đấu

B. 28 trận đấu

C. 18 trận đấu



**ĐÁP ÁN**

1 A	6C	11B	16A	21C
2 B	7C	12D	17A	22B
3C	8B	13D	18B	23C
4A	9A	14B	19B	24B
5B	10C	15A	20A	25A
26A	27C	28A	29A	30B

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!

**HOC247 Kids****Kids.hoc247.vn**

GIẢ THIẾT. TÌM QUY LUẬT. LIỆT KÊ



Kiến thức trọng tâm



Tính nhanh cộng, trừ, nhân chia

Tính nhẩm phép cộng

- Khi cộng hai số, các bạn nên đặt số lớn trước số nhỏ rồi mới tính nhẩm đếm lên trong đầu sẽ giúp các bạn nhẩm cộng nhanh hơn.
- Tách số cần cộng thành từng khoảng 10, 100 ... đơn vị một lần tương ứng.
- Tách số cộng thứ 2 ra để tròn chục với số cộng thứ 1 sau đó cộng nhẩm với phần còn lại.
- Dùng số tròn chục gần với số cộng thứ 2, tiếp theo cộng với số cộng thứ 1, sau đó trừ đi số thừa.
- Tách các số cộng thành các số tròn chục rồi cộng riêng số lẻ của các số cộng.

Tính nhẩm phép trừ

- Đếm nhẩm ngược từ số nhỏ lên đến gần chục
- Tách số ra cho tròn chục rồi trừ hoặc cộng số thừa

**HOC247 Kids****Kids.hoc247.vn**



Quy tắc quan trọng

$$a + b = b + a$$

$$a + (b - c) = a + b - c$$

$$a - (b + c) = a - b - c$$

$$a - (b - c) = a - b + c$$

$$a \times (b + c) = a \times b + a \times c$$

$$a \times (b - c) = a \times b - a \times c$$



Ví dụ 1



Tính nhanh

$$\begin{aligned}
 & 365 + 276 + 135 + 724 \\
 & \quad \quad \quad \text{1000} \\
 & \quad \quad \quad \text{500} \\
 & = 1000 + 500 \\
 & = 1500
 \end{aligned}$$



Tính nhanh

$$\begin{aligned}
 & 198 \times 36 \\
 & \quad \quad \quad \text{200} \quad \text{2} \\
 & = (200 - 2) \times 36 \\
 & = 200 \times 36 - 2 \times 36 \\
 & = 7200 - 72 \\
 & = 7128
 \end{aligned}$$



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn





Giải toán bằng giả thiết



Bài toán giả thiết tạm



Bài toán giả thiết tạm là một phương pháp giải các bài toán về tìm hai số khi biết tổng của hai số đó.

Khi giải dạng toán này, ta giả sử có một giả thiết (điều kiện) nào đó không có trong thực tế hay không có trong điều kiện đã cho của bài toán, nhằm tạm thời bỏ qua sự xuất hiện của một đại lượng, rồi dựa vào tình huống tính đại lượng thứ hai. Sau đó tính đại lượng còn lại.



Ví dụ 1

Có 18 oto gồm 3 loại : loại bốn bánh chở được 5 tấn, loại 6 bánh chở được 6 tấn và loại 8 bánh chở được 6 tấn. 18 xe đó có tất cả 106 bánh và chở được tất cả 101 tấn hàng. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu xe ?



Bài giải:

Phân tích thấy ở bài này chúng ta có 3 đại lượng cần tìm : số xe bốn bánh, số xe 6 bánh và số xe 8 bánh. Có một điều chú ý ở bài này là số xe 6 bánh và số xe 8 bánh đều chở được 1 số tấn hàng như nhau.

Giả sử tất cả 18 xe đó đều chở được 6 tấn thì số tấn chở được là :

$$6 \times 18 = 108 \text{ tấn}$$

Số tấn thừa ra là :

$$108 - 101 = 7 \text{ tấn}$$

Số tấn thừa ra là vì ta đã thay xe bốn bánh chở được 5 tấn thành xe chở được 6 tấn. Mỗi lần thay 1 xe chở 5 tấn bằng 1 xe chở 6 tấn thì số tấn thừa ra là :

$$6 - 5 = 1 \text{ tấn}$$

Số xe chở được 5 tấn là : $7 : 1 = 7$ xe

Số hàng chở được bởi xe 4 bánh là : $7 \times 5 = 35$ tấn

Số hàng do các xe chở được 6 tấn chở là : $101 - 35 = 66$ tấn

Số bánh xe loại 6 bánh và 8 bánh là : $106 - 7 \times 4 = 78$ bánh

Số xe loại 6 bánh và 8 bánh là : $18 - 7 = 11$ xe

Giả sử trong 11 xe này, tất cả đều là 6 bánh, khi đó số bánh xe là : $11 \times 6 = 66$ bánh

Số bánh xe hụt đi là : $78 - 66 = 12$ bánh

Số bánh hụt đi là vì ta đã thay xe 8 bánh bởi xe 6 bánh. Mỗi lần thay xe 8 bánh bởi xe 6 bánh thì số bánh hụt đi : $8 - 6 = 2$ bánh.

Số xe 8 bánh là : $12 : 2 = 6$ xe

Số xe 6 bánh là : $11 - 6 = 5$ xe

Vậy : có 7 xe 4 bánh chở 5 tấn

có 5 xe 6 bánh chở 6 tấn

có 6 xe 8 bánh chở 6 tấn





Ví dụ 2

Một quầy bán hàng có 48 gói kẹo gồm loại 0,5 kg; loại 0,2 kg và loại 0,1 kg. Khối lượng cả 48 gói là 9 kg. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu gói (biết số gói 0,1 kg gấp 3 lần số gói 0,2 kg)

Bài giải:

Như vậy nếu có 1 gói 0,2 kg thì có 3 gói 0,1 kg.

Tổng khối lượng 1 gói 0,2 kg và 3 gói 0,1 kg.

$$0,2 + 0,1 \times 3 = 0,5 \text{ (kg)}$$

Giả sử đều là gói 0,5 kg thì sẽ có tất cả:

$$9 : 0,5 = 18 \text{ (gói)}$$

Như vậy sẽ còn thiếu:

$$48 - 18 = 30 \text{ (gói)}$$

Còn thiếu 30 gói là do ta đã tính (3+1=4) 4 g gói (vừa 0,2 g vừa 0,1 kg) thành 1 gói.

Mỗi lần như vậy số gói sẽ thiếu đi:

$$4 - 1 = 3 \text{ (gói)}$$

Số gói cần phải thay là: $30 : 3 = 10 \text{ (gói)}$

Số gói 0,5 kg: $18 - 10 = 8 \text{ (gói 0,5 kg)}$

10 gói 0,2 kg thì có số gói 0,1 kg: $10 \times 3 = 30 \text{ (gói 0,1 kg)}$

Đáp số: 0,5 kg có 8 gói; 0,2 kg có 10 gói; 0,1 kg có 30 gói



HỌC247 Kids



Web

Kids.hoc247.vn





Tìm quy tắc chung

Xác định số A có thuộc dãy đã cho hay không?

Cách giải của dạng toán này:

- Xác định quy luật của dãy;
- Kiểm tra số A có thoả mãn quy luật đó hay không?

Tìm số số hạng của dãy

Cách giải ở dạng này là:

Đối với dạng toán này, ta thường sử dụng phương pháp giải toán khoảng cách (toán trồng cây). Ta có công thức sau:

Số các số hạng của dãy = số khoảng cách + 1.

Đặc biệt, nếu quy luật của dãy là : Mỗi số hạng đứng sau bằng số hạng liền trước cộng với số không đổi d thì:

Số các số hạng của dãy = (Số hạng lớn nhất - Số hạng nhỏ nhất) : d + 1.

Tìm số hạng thứ n của dãy số

Công thức tổng quát:

Số hạng thứ n = số đầu + khoảng cách x (Số số hạng - 1)



Ví dụ 1

Cho dãy số: 1, 2, 3,.....150. Hỏi để viết dãy số này người ta phải dùng bao nhiêu chữ số

Bài giảng



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Dãy số đã cho có: $(9 - 1) : 1 + 1 = 9$ số có 1 chữ số.

Có $(99 - 10) : 1 + 1 = 90$ số có 2 chữ số

Có $(150 - 100) : 1 + 1 = 51$ số có 3 chữ số.

Vậy số chữ số cần dùng là:

$$9 \times 1 + 90 \times 2 + 51 \times 3 = 342 \text{ chữ số}$$



Ví dụ 2

Để đánh số trang 1 quyển sách người ta dùng hết 435 chữ số. Hỏi quyển sách đó có bao nhiêu trang?

Bài giải

Để đánh số trang quyển sách đó, người ta phải viết liên tiếp các số tự nhiên bắt đầu từ 1 thành dãy số. Dãy số này có 9 số có 1 chữ số

có 90 số có 2 chữ số

Để viết các số này cần số chữ số là

$$9 \times 1 + 90 \times 2 = 189 \text{ chữ số}$$

Số chữ số còn lại là:

$$435 - 189 = 246 \text{ chữ số}$$

Số chữ số còn lại này dùng để viết tiếp các số có 3 chữ số bắt đầu từ 100. Ta viết được

$$246 : 3 = 82 \text{ số}$$

Số trang quyển sách đó là

$$99 + 82 = 181 \text{ (trang)}$$





Liệt kê

Các bài toán giải bằng phương pháp lập bảng thường xuất hiện hai nhóm đối tượng (chẳng hạn tên người và nghề nghiệp, hoặc vận động viên và giải thưởng, hoặc tên sách và màu bìa,...). Khi giải ta thiết lập 1 bảng gồm các hàng và các cột. Các cột ta liệt kê các đối tượng thuộc nhóm thứ nhất, còn các hàng ta liệt kê các đối tượng thuộc nhóm thứ hai.

Dựa vào điều kiện trong đề bài ta loại bỏ dần (ghi số 0) các ô (là giao của mỗi hàng và mỗi cột). Những ô còn lại (không bị loại bỏ) là kết quả của bài toán.



Ví dụ 1:

Trong kì thi HS giỏi tỉnh có 4 bạn Phương, Dương, Hiếu, Hằng tham gia. Được hỏi quê mỗi người ở đâu ta nhận được các câu trả lời sau:

Phương: Dương ở Thăng Long còn tôi ở Quang Trung.

Dương: Tôi cũng ở Quang Trung còn Hiếu ở Thăng Long.

Hiếu: Không, tôi ở Phúc Thành còn Hằng ở Hiệp Hoà.

Hằng: Trong các câu trả lời trên đều có 1 phần đúng 1 phần sai.

Em hãy xác định quê của mỗi bạn.





Bài giải

Vì trong mỗi câu trả lời đều có 1 phần đúng và 1 phần sai nên có các trường hợp:

- Giả sử Dương ở Thăng Long là đúng $\Rightarrow$ Phương ở Quang Trung là sai $\Rightarrow$ Hiếu ở Thăng Long là đúng

Điều này vô lí vì Dương và Hiếu cùng ở Thăng Long.

- Giả sử Dương ở Thăng Long là sai $\Rightarrow$ Phương ở Quang Trung và do đó Dương ở Quang

Trung là sai $\Rightarrow$ Hiếu ở Thăng Long

Hiếu ở Phúc Thành là sai $\Rightarrow$ Hằng ở Hiệp Hoà

Còn lại $\Rightarrow$ Dương ở Phúc Thành.



Ví dụ 2:

Năm bạn Anh, Bình, Cúc, Doan, An quê ở 5 tỉnh: Bắc Ninh, Hà Tây, Cần Thơ, Nghệ An, Tiền Giang. Khi được hỏi quê ở tỉnh nào, các bạn trả lời như sau:

Anh: Tôi quê ở Bắc Ninh còn Doan ở Nghệ An

Bình: Tôi cũng quê ở Bắc Ninh còn Cúc ở Tiền Giang

Cúc: Tôi cũng quê ở Bắc Ninh còn Doan ở Hà Tây

Doan: Tôi quê ở Nghệ An còn An ở Cần Thơ

An: Tôi quê ở Cần Thơ còn Anh ở Hà Tây

Nếu mỗi câu trả lời đều có 1 phần đúng và 1 phần sai thì quê mỗi bạn ở đâu?



Bài giải

Vì mỗi câu trả lời có 1 phần đúng và 1 phần sai nên có các trường hợp:



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Nếu Anh ở Bắc Ninh là đúng $\Rightarrow$ Doan không ở Nghệ An. $\Rightarrow$ Bình và Cúc ở Bắc Ninh là sai $\Rightarrow$ Cúc ở Tiền Giang và Doan ở Hà Tây.

Doan ở Nghệ An là sai $\Rightarrow$ An ở Cần Thơ và Anh ở Hà Tây là sai.

Còn bạn Bình ở Nghệ An (Vì 4 bạn quê ở 4 tỉnh rồi)

- Nếu Anh ở Bắc Ninh là sai $\Rightarrow$ Doan ở Nghệ An

Doan ở Hà Tây là sai $\Rightarrow$ Cúc ở Bắc Ninh. Từ đó Bình ở Bắc Ninh phải sai $\Rightarrow$ Cúc ở Tiền Giang

Điều này vô lí vì Cúc vừa ở Bắc Ninh vừa ở Tiền Giang (loại)

Vậy: Anh ở Bắc Ninh; Cúc ở Tiền Giang; Doan ở Hà Tây; An ở Cần Thơ và Bình ở Nghệ An.



Tính ngược

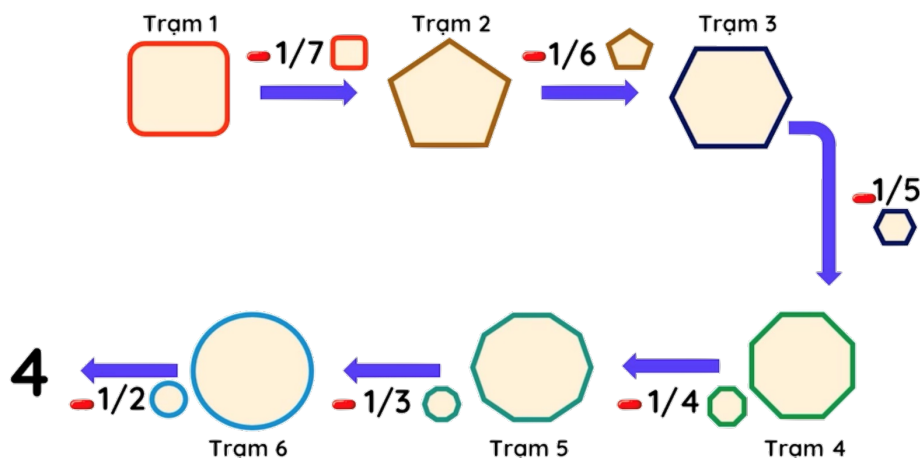
Có một số bài toán cho biết kết quả sau khi thực hiện liên tiếp một số phép tính đối với số phải tìm. Khi giải các bài toán dạng này, ta thường dùng phương pháp tính ngược từ cuối (đôi khi còn gọi là phương pháp suy ngược từ cuối)

Khi giải toán bằng phương pháp tính ngược từ cuối, ta thực hiện liên tiếp các phép tính ngược với các phép tính đã cho trong đề bài. Kết quả tìm được trong bước trước chính là thành phần đã biết của phép tính liền sau đó. Sau khi thực hiện hết dãy các phép tính ngược với các phép tính đã cho trong đề bài, ta nhận được kết quả cần tìm.

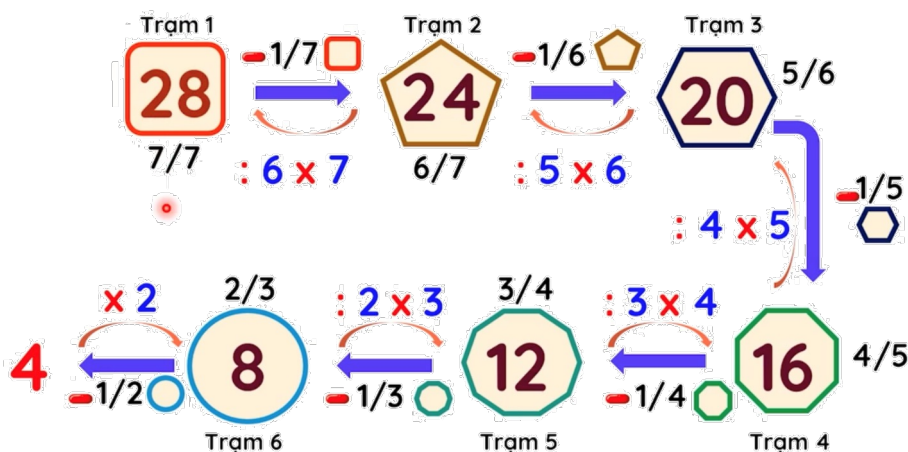




Ví dụ 1



Bài giải



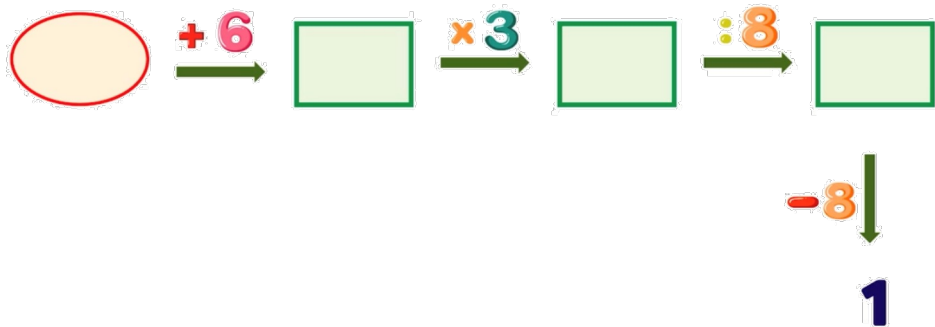
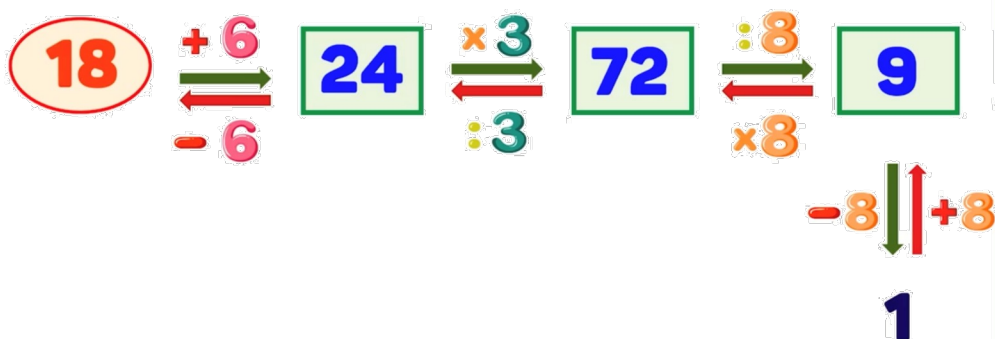
HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn





Ví dụ 2

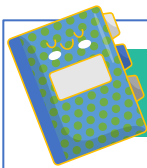
Bài giải

HỌC247 Kids



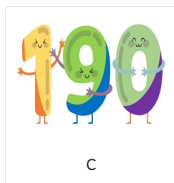
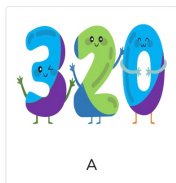
Kids.hoc247.vn





BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Thực hiện phép tính: $927 - (180 + 427)$



Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành phép tính

$$165 + \square + 235 + 624$$

$$= 1000 + 400$$

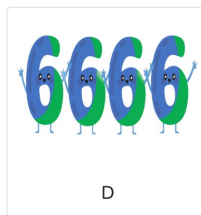
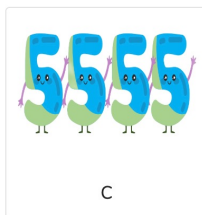
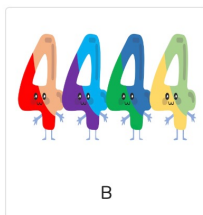
$$= 1400$$

326

476

376

Câu 3: Tính nhanh: $3333 \times 8888 : 4444$



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 4: Xác định vị trí dấu chưa đúng trong công thức và sửa lại:

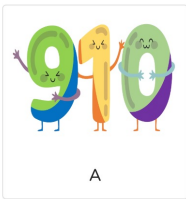
$$a^{(1)} - (b^{(2)} + c) = a^{(3)} - b^{(4)} + c$$

(1) - sửa thành +

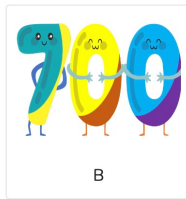
(2) + sửa thành -

(4) + sửa thành -

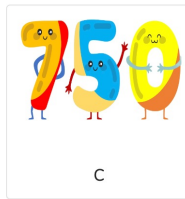
Câu 5: Thực hiện phép tính: $45 \times 7 + 77$



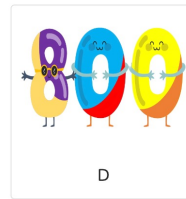
A



B



C



D

Câu 6: Tìm điểm sai và sửa lại cho đúng công thức sau:

$$a^{(1)} : b^{(2)} : c = a^{(3)} : (b^{(4)} : c)$$

(1) : sửa thành X

(4) : sửa thành X

(3) : sửa thành X

Câu 7: Công thức nào sau đây chưa đúng?

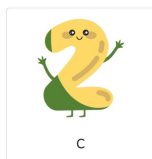
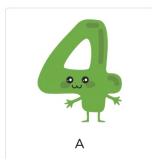
(1) $a \times (b - c) = a \times b + a \times c$

(2) $a : b \times c = a \times c : b$

(3) $a - (b - c) = a - b + c$

(4) $a - b : c = a - (b : c)$





Câu 8: Thực hiện phép tính sau bằng cách tính nhanh:

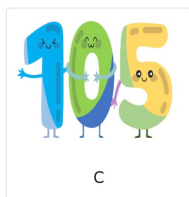
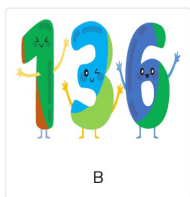
$$980 - 2 - 4 - 6 - 8 - \dots - 38 - 40$$

590

560

530

Câu 9: Tính nhanh: $72 \times 187 : 11 : 9$



Câu 10: Thực hiện phép tính:

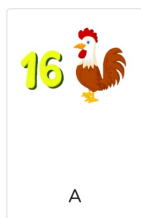
$$999 + 9999 + 99999$$

110997

110981

110999

Câu 11: Có 28 con gà và con thỏ, tất cả có 80 cái chân. Tính số gà?



HOC247 Kids

[Kids.hoc247.vn](https://kids.hoc247.vn)





Câu 12: Có 45 xe ô tô và xe máy trong bãi đỗ xe. Có tất cả 140 bánh xe các loại. Hỏi có bao nhiêu xe ô tô?

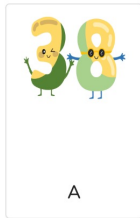


20 xe ô tô

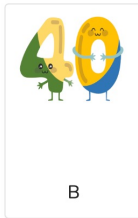
25 xe ô tô

30 xe ô tô

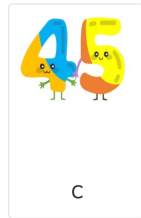
Câu 13: Một vận động viên bắn súng trong một lần tập huấn phải bắn tất cả 50 viên đạn. Mỗi viên trúng đích được cộng 20 điểm, mỗi viên trượt đích bị trừ 10 điểm. Sau khi bắn hết 50 viên đạn vận động viên đó đạt được 850 điểm. Hỏi vận động viên đó bắn trúng đích bao nhiêu viên?



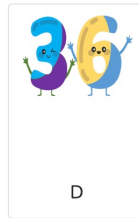
A



B



C



D

Câu 14: 5 cái bánh kem và 10 hộp kẹo có giá 225 đô-la. Giá 1 cái bánh kem đắt hơn 1 hộp kẹo 12 đô-la. Hỏi 1 cái bánh kem có giá bao nhiêu?



23 đô-la

26 đô-la

29 đô-la



HOC247 Kids



Web

Kids.hoc247.vn





Câu 15: An bỏ ra 55 đô-la mua 15 quyển truyện giá 2 đô-la và 7 đô-la. Hỏi cậu ấy đã mua bao nhiêu quyển truyện 2 đô-la? Bao nhiêu quyển truyện 7 đô-la?

12 :  7 đô-la
3 :  2 đô-la

A

5 :  7 đô-la
10 :  2 đô-la

B

14 :  7 đô-la
1 :  2 đô-la

C

13 :  7 đô-la
2 :  2 đô-la

D

Câu 16: Một vé xe buýt tới thị trấn A giá 15 đô la. Một vé xe buýt tới thị trấn B giá 8 đô la. Ông An trả 160 đô la mua 13 vé xe buýt các loại. Hỏi ông ấy đã mua bao nhiêu vé tới thị trấn B?



Câu 17: MiMi có 60 đồng mệnh giá 1 đô-la, 2 đô-la, 5 đô-la cùng để trong ví. Tất cả số tiền này có giá trị 160 đô-la. Số đồng tiền mệnh giá 1 đô-la bằng với số tiền mệnh giá 5 đô-la. Hỏi MiMi có bao nhiêu đồng tiền mỗi loại?

25  25  10 

A

25  30  5 

B

20  20  20 

C

25  10  25 

D



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 18: Quyển tập giá 7 đô-la, bút giá 4 đô-la. Minh mua hết 94 đô-la cho 16 vừa tập vừa bút. Hỏi Minh mua bao nhiêu cây bút và bao nhiêu quyển tập?

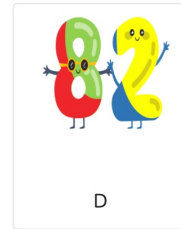
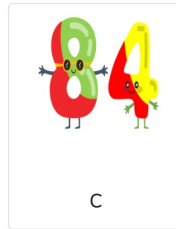
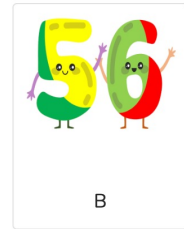
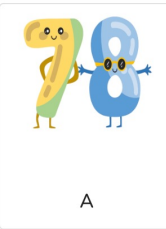


10 quyển tập và 6 cây bút

12 quyển tập và 4 cây bút

6 quyển tập và 10 cây bút

Câu 19: Bác Toàn mua 5 cái bàn và 5 cái ghế với tổng tiền phải trả là 310 đô-la. Giá 1 cái bàn đắt hơn 1 cái ghế 30 đô-la. Nếu mua 1 cái bàn và 2 cái ghế thì hết bao nhiêu tiền?



Câu 20: AnAn thực hiện bài kiểm tra có 45 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được cộng 6 điểm, trả lời sai trừ 3 điểm. Bạn được 180 điểm. Hỏi bạn trả lời bao nhiêu câu đúng?



40 câu

30 câu

35 câu



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 21: Tìm số còn thiếu trong dãy số: 4, 5, 7, 10, ____

11
A

13
B

14
C

15
D

Câu 22: Tìm số còn thiếu trong dãy số:

2, 5, 11, 20, ___, ___

A. 32, 47

B. 36, 41

C. 39, 48

Câu 23: Tìm số còn thiếu trong dãy số: 5, 20, 50, 110, ____

180
A

230
B

160
C

270
D

Câu 24: Tìm số còn thiếu trong hình:



A. 60, 67

B. 54, 59

C. 41, 46

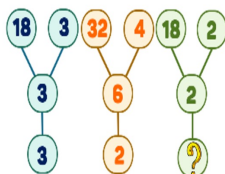


HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 25: Tìm số còn thiếu trong hình:

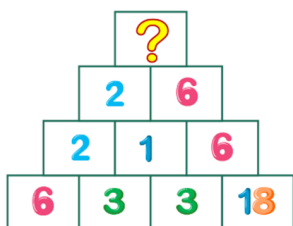


A. 10

B. 6

C. 7

Câu 26: Tìm số còn thiếu trong hình:

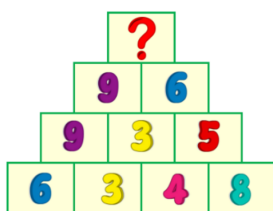


A. 2

B. 3

C. 4

Câu 27: Tìm số còn thiếu trong hình:



A. 12

B. 9

C. 54



HOC247 Kids

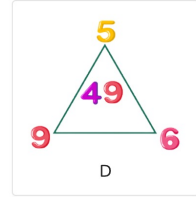
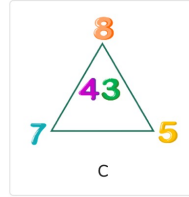
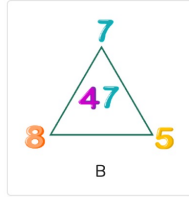
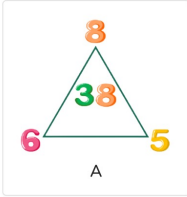


Kids.hoc247.vn

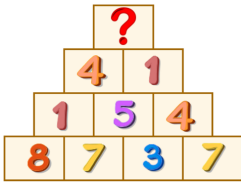




Câu 28: Chọn tam giác có quy luật: Số ở giữa bằng tích hai số ở đáy trừ số ở đỉnh.



Câu 29: Tìm số còn thiếu trong hình:



A. 3

B. 4

C. 9

Câu 30: Tìm số còn thiếu trong hình:



A. 13

B. 14

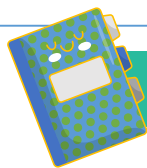
C. 15



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



**ĐÁP ÁN**

1 A	6B	11A	16C	21C
2 C	7D	12B	17C	22A
3D	8B	13C	18A	23B
4C	9B	14A	19A	24A
5B	10A	15B	20C	25C
26 B	27B	28D	29A	30C

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!

**HOC247 Kids****Kids.hoc247.vn**

SỐ NGUYÊN TỐ. DÃY SỐ. LOGIC



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM



Bài toán thừa và thiếu.

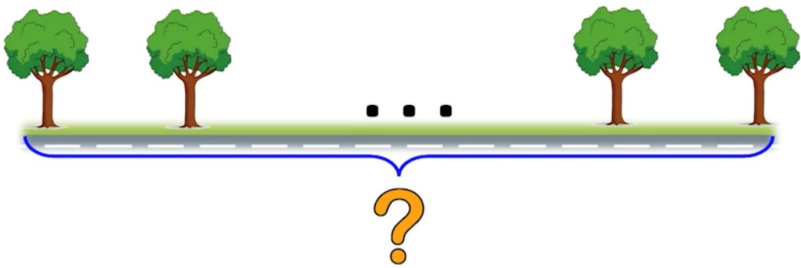
Sử dụng dữ kiện "thừa", "thiếu" của bài toán để tìm mối liên hệ các đại lượng trong bài toán. Và có thể sử dụng sơ đồ hình vẽ để biểu diễn và đưa về các dạng toán quen thuộc để giải bài toán.

$$(\text{Phần thừa} + \text{Phần thiếu}) : \text{Hiệu số} = \text{Số đơn vị}$$



Ví dụ 1

Trong một dự án trồng cây, mỗi tình nguyện viên trồng số cây như nhau. Nếu mỗi người trồng 5 cây, thì sẽ còn lại 3 cây. Nếu mỗi người trồng 3 cây, thì sẽ còn lại 9 cây. Hỏi có bao nhiêu cây cần được trồng? Bao nhiêu tình nguyện viên?



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Bài giải

Trường hợp 1, phần thừa là 3 cây

Trường hợp 2, phần thừa là 9 cây

Hiệu số cây giữa 2 trường hợp là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (cây)}$$

Số tình nguyện viên là:

$$(9 - 3) : 2 = 3 \text{ (người)}$$

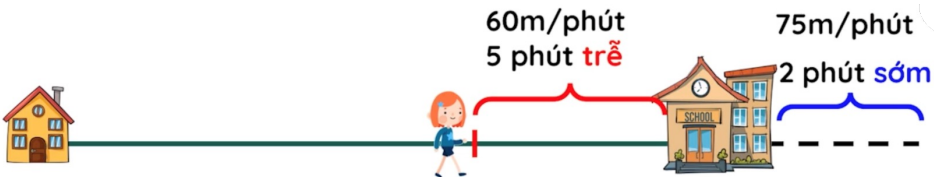
Số cây cần trồng là:

$$3 \times 5 + 3 = 3 \times 3 + 9$$



Ví dụ 2

Michelle đi bộ tới trường mỗi buổi sáng. Nếu đi với vận tốc 60m/phút, cô ấy sẽ tới lớp trễ 5 phút. Nếu đi 75m/phút, cô ấy sẽ tới trường học trước giờ chuông reo 2 phút. Hỏi từ nhà cô ấy tới trường là bao xa?



Với vận tốc 60m/phút, quãng đường cô ấy cách trường là:

$$60 \times 5 = 300 \text{ (m)} \rightarrow \text{thiếu}$$

Với vận tốc 75m/phút, quãng đường cô ấy có thể đi tiếp là:

$$75 \times 2 = 150 \text{ (m)} \rightarrow \text{thừa}$$

Hiệu vận tốc là:

$$75 - 60 = 15 \text{ (m/phút)}$$

Thời gian từ nhà đến trường là:

$$(300 + 150) : 15 = 30 \text{ (phút)}$$

Quãng đường từ nhà đến trường là:

$$\begin{aligned}
 &30 \times 60 + 300 \\
 &= 30 \times 75 - 150 \\
 &= \boxed{2100 \text{ (m)}}
 \end{aligned}$$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Dãy số cách đều

$$\text{Số hạng thứ } n = \text{số hạng thứ 1} + \left(\text{số thứ tự của số hạng} - 1 \right) \times \text{hiệu số chung}$$

$$\text{Số thứ tự của số hạng} = \left(\text{số hạng cuối cùng} - \text{số hạng thứ 1} \right) \div \text{hiệu số chung} + 1$$

$$\text{Tổng dãy số} = \left(\text{số hạng cuối cùng} + \text{số hạng đầu tiên} \right) \times \text{Số các số hạng} : 2$$



Ví dụ 1

$$1 + 2 + 3 + \dots + 100$$

$$\text{Tổng dãy số} = \left(\text{số hạng cuối cùng} + \text{số hạng đầu tiên} \right) \times \text{Số các số hạng} : 2$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng của dãy số} &= (100 + 1) \times 100 : 2 \\ &= 101 \times 50 = 5050 \end{aligned}$$



Ví dụ 2

$$1 + 3 + 5 + 7 + \dots + 97 + 99$$

$$\text{Số các số hạng} = \left(\text{số hạng cuối cùng} - \text{số hạng thứ 1} \right) : \text{hiệu số chung} + 1$$

$$\text{Số các số hạng} = (99 - 1) : 2 + 1 = 50$$

$$\text{Tổng của dãy số} = (99 + 1) \times 50 : 2 = 2500$$



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Số nguyên tố

Khái niệm

Số nguyên tố là số lớn hơn 1, chỉ chia hết cho 1 và chính nó.



Ví dụ : Số nguyên tố trong phạm vi 10

Bài giải **1, 2, 3, 5, 7, 9**



Phép chia hết

Dấu hiệu chia hết cho 3

Số có **tổng các chữ số** chia hết cho 3
thì **chia hết cho 3**.

Dấu hiệu chia hết cho 9

Số có **tổng các chữ số** chia hết cho 9
thì **chia hết cho 9**.

Dấu hiệu chia hết cho 4

Số có **2 chữ số tận cùng** chia hết cho 4
thì **chia hết cho 4**



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn





Dấu hiệu chia hết cho 25

Số có **2 chữ số tận cùng** chia hết cho 25
thì **chia hết cho 25**

Dấu hiệu chia hết cho 8

Số có **3 chữ số tận cùng** chia hết cho 8
thì **chia hết cho 8**

Dấu hiệu chia hết cho 125

Số có **3 chữ số tận cùng** chia hết cho 125
thì **chia hết cho 125**

Dấu hiệu chia hết cho 7 hoặc 13

Nếu hiệu của **3 chữ số cuối cùng** và **các chữ số còn lại**
chia hết cho **7 hoặc 13** thì số đó **chia hết cho 7 hoặc 13**.

Dấu hiệu chia hết cho 11

Nếu **hiệu** của **tổng các chữ số ở số thứ tự chẵn** trừ đi
tổng các chữ số ở số thứ tự lẻ là **0** hay là **số chia hết**
cho **11** thì **số đó chia hết cho 11**





Ví dụ 1

1 2 3 4 5 6

135 795

$$(3 + 7 + 5) - (1 + 5 + 9) = 0$$

135 795 chia hết cho 11



Ví dụ 2

2093

$$093 - 2 = 91$$

91 chia hết cho 7 và 13

2093 chia hết cho 7 và 13



Ví dụ 3

1016 chia hết cho 4

2348 chia hết cho 4

3234 không chia hết cho 4

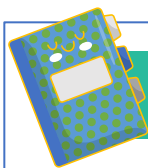


HOC247 Kids



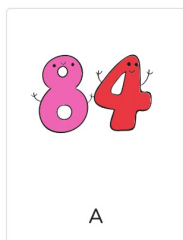
Kids.hoc247.vn



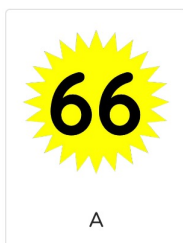


BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tìm số hạng thứ 42 của dãy số: 2, 4, 6, 8, 10, ...



Câu 2: Tìm số hạng thứ 32 của dãy số: 3, 5, 7, 9, 11, ...



Câu 3: Tìm số hạng thứ 28 của dãy số:



A. 124

B. 142

C. 108



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 4: Số 189 là số hạng thứ bao nhiêu của dãy số:



A. 94

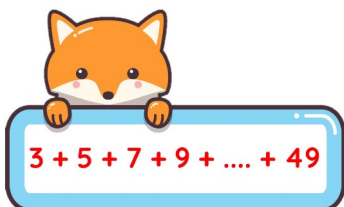
B. 92

C. 98

**Câu 5: Số 291 là số hạng thứ bao nhiêu của dãy số:
4, 11, 18, 25, 32, ...**



Câu 6: Tính tổng



A. 642

B. 624

C. 649



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 7: Ở 1 lớp học, nếu xếp mỗi bàn 5 học sinh thì có 19 học sinh chưa có chỗ ngồi. Nếu xếp mỗi bàn 7 học sinh thì 7 học sinh chưa có chỗ ngồi. Hỏi lớp học có bao nhiêu học sinh?



A. 49 học sinh

B. 48 học sinh

C. 47 học sinh

Câu 8: Bà đi chợ về và mua một ít bánh cho các cháu trong nhà. Nếu bà chia cho mỗi cháu 2 cái bánh thì còn dư 11 cái bánh, nếu bà chia mỗi cháu 4 cái bánh thì lại thiếu 3 cái bánh. Hỏi bà có bao nhiêu cái bánh?



28

A



25

B



27

C



24

D

Câu 9: Người nhân viên sở thú chia cho những con khỉ một số quả chuối. Nếu anh chia mỗi con khỉ 2 quả chuối thì dư 3 quả. Nếu chia mỗi con khỉ 4 quả chuối thì phải cần thêm 1 nữa mới đủ. Hỏi có bao nhiêu con khỉ và có bao nhiêu quả chuối?

A. 2 con khỉ và 9 quả

B. 2 con khỉ và 8 quả

C. 2 con khỉ và 7 quả



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn





Câu 10: Một rổ táo được chuẩn bị chia cho một số bạn nhỏ. Nếu mỗi bạn lấy 4 quả táo thì sẽ thừa ra 12 quả táo. Nếu mỗi bạn lấy 5 quả táo thì sẽ thiếu 4 quả táo. Hỏi có bao nhiêu quả táo trong rổ?



A. 76 quả

B. 67 quả

C. 74 quả

Câu 11: Một người đi xe đạp tới chỗ làm, nếu đi với vận tốc 250m/phút thì người đó đến chỗ làm trễ 5 phút. Nếu đi với vận tốc 300m/phút thì người đó tới chỗ làm sớm 2 phút. Hỏi thời gian dự kiến đi của người ấy là bao nhiêu phút?



A



B



C



D

Câu 12: Một nhóm công nhân đang lát đá một con đường mới. Sẽ phải mất thêm 7 ngày lát đá nếu họ lát 120m/ngày. Còn nếu lát được 180m/ngày, họ có thể hoàn thành trước tiến độ 4 ngày. Hỏi số ngày dự kiến hoàn thành công việc?



HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn



A. 29 ngày

B. 28 ngày

C. 26 ngày

Câu 13: Cô giáo chia một túi kẹo cho học sinh. Nếu mỗi học sinh được chia 2 viên kẹo, cô giáo sẽ còn thừa 11 viên kẹo. Nếu mỗi học sinh được chia 3 viên kẹo, cô giáo sẽ còn thiếu 1 viên kẹo. Hỏi cô giáo có bao nhiêu viên kẹo?



A



B



C



D

Câu 14: Học sinh của trường Mẫu giáo Hogwarts đang chuẩn bị đi dã ngoại. Nếu mỗi xe buýt đón 32 em, 10 em bé sẽ không được lên xe. Nếu mỗi xe buýt đón 42 em, sẽ thiếu 10 em mới đầy xe. Hỏi nhà trường cần phải thuê bao nhiêu xe buýt?



A



B



C



D



HỌC247 Kids



Kids.hoc247.vn



Câu 15: Để chở hết gạo trong kho cần một số ngày. Nếu một ngày chở được 40 tấn gạo thì hoàn thành xong kế hoạch trễ hơn 1 ngày. Nếu một ngày được 80 tấn gạo thì hoàn thành xong kế hoạch sớm hơn 1 ngày. Hỏi số ngày dự kiến để chở hết số gạo trong kho?

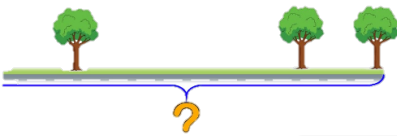


A. 3 ngày

B. 4 ngày

C. 9 ngày

Câu 16: Trong một dự án trồng cây, mỗi tình nguyện viên trồng số cây như nhau. Nếu mỗi người trồng 5 cây, thì sẽ còn lại 9 cây. Nếu mỗi người trồng 7 cây, thì sẽ còn lại 3 cây. Hỏi có bao nhiêu cây cần được trồng?



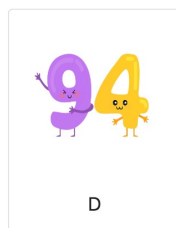
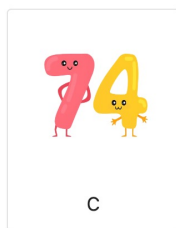
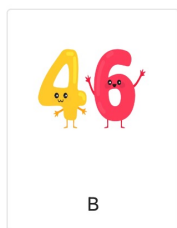
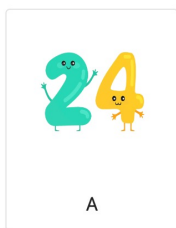
A. 29 cây

B. 24 cây

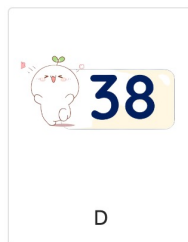
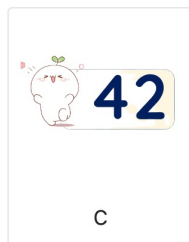
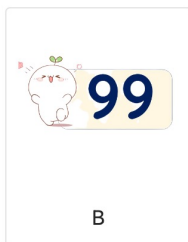
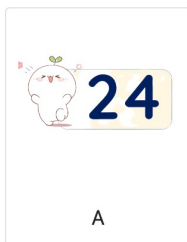
C. 28 cây



Câu 17: Đâu là số chia hết cho 3 trong các số sau?

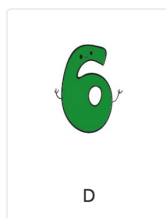
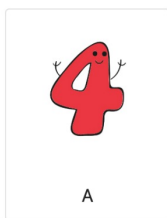


Câu 18: Đâu là số chia hết cho 9 trong các số sau?



Câu 19: Có bao nhiêu số trong các số sau chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9?

248931, 2703, 432, 924, 90918, 73428



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 20: Lớp 2C có 45 học sinh, lớp muốn xếp thành các hàng mà không dư bạn nào. Hỏi lớp 2C có thể xếp thành bao nhiêu hàng trong các đáp án dưới đây?

- 

9 hàng

A



8 hàng

B



7 hàng

C



2 hàng

D

Câu 21: Có bao nhiêu số vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9 trong các số sau?

324, 6273, 43269, 98342, 24837?

- 

A



B



C



D

Câu 22: Đây là số chia hết cho 4?

- 

724

A



567

B



897

C



942

D



Câu 23: Chọn đáp án đúng:



**Đâu là số chia hết
cho 7?**

A. 42 462

B. 24 505

C. 24 567

Câu 24: Chọn đáp án đúng:



**Đâu là số chia hết
cho 13?**

A. 84 342

B. 84 396

C. 84 904

Câu 25: Có bao nhiêu số chia hết cho 7 và 13 trong các số dưới đây?

24 768, 2184, 24024, 60060, 29484, 18564, 65884

4

A

5

B

6

C

7

D

Câu 26: Chọn đáp án đúng:



**Đâu là số chia hết
cho 11?**

A. 76692

B. 10690

C. 28379



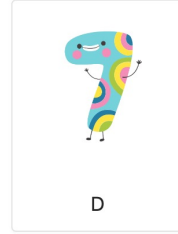
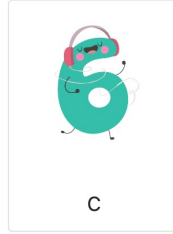
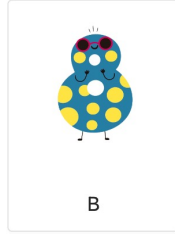
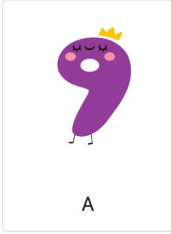
HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



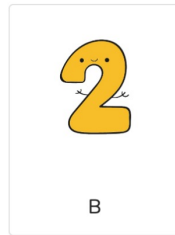
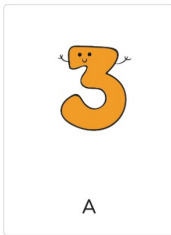
Câu 27: Điền vào chỗ trống chữ số thích hợp để số này chia hết cho 11?

26825...



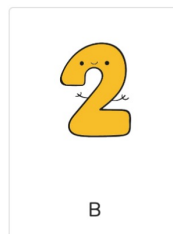
Câu 28: Có bao nhiêu số chia hết cho 3?

4, 7, 9, 124, 324, 32987, 48432



Câu 29: Có bao nhiêu số chia hết cho 9 trong các số sau:

56724, 89674, 22932, 2916, 31338



Câu 30: Đâu là số vừa chia hết cho 3 và chia hết cho 9?

2432

A

2916

B

9876

C

94321

D

Câu 31: Đâu là số chia hết cho 7?

6248

A

9867

B

3024

C

3284

D

Câu 32: Đâu là số chia hết cho 11?



3762, 4018, 10476, 2703

A. 3762

B. 4018

C. 10476

D. 2703

Câu 33: Có bao nhiêu số chia hết cho 11 trong các số dưới đây?

1079, 10362, 6864, 35948, 1364, 3024

1

A

2

B

4

C

3

D



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn



Câu 34: Đây là số chia hết cho 4?



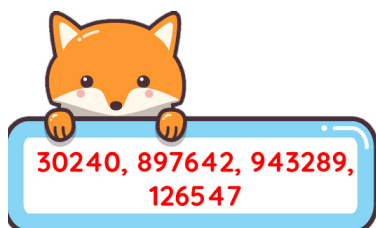
A. 67890

B. 653432

C. 90873

D. 76218

Câu 35: Đây là số chia hết 8 trong các số sau?



A. 943289

B. 897642

C. 30240

D. 126547

Câu 36: Có bao nhiêu số chia hết cho 125?

98750, 96452, 43250, 78342, 752375, 832500

3

A

1

B

2

C

4

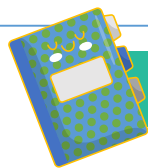
D



HỌC247 Kids

Kids.hoc247.vn





ĐÁP ÁN

1A	6B	11D	16B	21D
2B	7A	12C	17A	22A
3C	8B	13C	18B	23A
4A	9C	14C	19C	24B
5C	10A	15A	20A	25C

26A	31C	36D
27D	32A	
28A	33C	
29B	34B	
30A	35C	

Tải App Hoc247 Kids để xem video hướng dẫn giải chi tiết nhé!



HOC247 Kids



Kids.hoc247.vn

